

Số: 01/NQ-SAF/ĐHCD

Tp Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 09/04/2025 của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco ngày 09 tháng 4 năm 2025 với 40 người tham dự (bao gồm: cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp), đại diện cho 10.999.913 cổ phần đạt tỷ lệ 91,31% trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết, đã biểu quyết thông qua các Điều sau đây:

Điều 1. Thông qua các báo cáo sau đây

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, phương hướng, kế hoạch năm 2025.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

2. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và phương hướng, kế hoạch năm 2025.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

3. Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC thực hiện kiểm toán.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

Điều 2. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

Đvt: Đồng

Stt	Diễn giải	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	60.860.108.073
	- Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN	3.381.354.249

Stt	Diễn giải	Số tiền
2	Thu nhập chịu thuế TNDN	64.241.462.322
3	Thuế TNDN năm 2024 (20% TNCT)	13.260.229.650
	- Thuế TNDN hiện hành	13.260.229.650
4	Lợi nhuận sau khi trừ thuế TNDN	47.599.878.423
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại để phân phối	47.599.878.423
5.1	<i>Lợi nhuận trích các quỹ, tham gia hoạt động từ thiện</i>	<i>11.286.212.962</i>
	- Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi (20% LNST)	9.519.975.685
	- Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành (2,24% LNST)	1.066.237.277
	- Tham gia hoạt động từ thiện xã hội	700.000.000
5.2	<i>Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện</i>	<i>36.313.665.461</i>
6	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức	36.774.812.979
	- Lợi nhuận sau thuế năm 2024 sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện	36.313.665.461
	- Lợi nhuận chia cổ tức của các năm trước còn lại	461.147.518
7	Tỷ lệ trả cổ tức 30%/VĐL, trong đó:	36.139.770.000
	- Trả bằng tiền mặt (30%)	36.139.770.000
8	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2025	635.042.979

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

Điều 3. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Sản lượng bán ra : 14.200 tấn sản phẩm;
- Tổng Doanh thu : 780 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 61 tỷ đồng.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025

Đvt: Đồng

Stt	Diễn giải	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	61.000.000.000
	- Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN	3.000.000.000
2	Thu nhập chịu thuế TNDN	64.000.000.000
3	Thuế TNDN năm 2025 (20% TNCT)	12.800.000.000
4	Lợi nhuận sau khi trừ thuế TNDN	48.200.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại để phân phối	48.200.000.000
5.1	Lợi nhuận trích các quỹ, tham gia hoạt động từ thiện	11.419.680.000
	- Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi (20% LN sau thuế)	9.640.000.000
	- Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành (2,24% LNST)	1.079.680.000
	- Tham gia hoạt động từ thiện xã hội	700.000.000
5.2	Lợi nhuận sau thuế sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện	36.780.320.000
6	Lợi nhuận chia cổ tức	37.415.362.979
	- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện	36.780.320.000
	- Lợi nhuận chia cổ tức của các năm trước còn lại	635.042.979
7	Dự kiến tỷ lệ trả cổ tức 30%/VĐL	36.139.770.000
	- Trả bằng tiền mặt (30%)	36.139.770.000
8	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2026	1.275.592.979

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

Điều 4. Thông qua quỹ tiền lương người quản lý, quỹ thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký

1. Thông qua quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý, quỹ thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký năm 2024, cụ thể:

- a) Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý: 6.506,052 triệu đồng;
- b) Quỹ thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký là 714 triệu đồng.

2. Thông qua quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý, quỹ thù lao kế hoạch của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký năm 2025, cụ thể:

- a) Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý: 6.521,004 triệu đồng;

b) Quỹ thù lao kế hoạch của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thụ ký là 684 triệu đồng.

Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức tiền lương người quản lý, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thụ ký năm 2025 nhưng không vượt quá tổng mức tiền lương, thù lao kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

Điều 5. Thông qua các tiêu thức lựa chọn và danh sách 04 (bốn) đơn vị kiểm toán độc lập theo đề xuất trong tờ trình của Ban kiểm soát để làm căn cứ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 cho Công ty.

Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số 04 (bốn) đơn vị kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát và giao cho Tổng Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

Điều 6. Thông qua trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2025, số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) tham gia công tác từ thiện xã hội năm 2025.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

Điều 7. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, cụ thể:

Tại Khoản 6, Điều 42 Điều lệ Công ty sửa đổi như sau:

“Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi
.....

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện

giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.”

Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện điều chỉnh Điều lệ Công ty theo quy định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

Điều 8. Triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 09/4/2025.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện đến Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên năm 2026.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Ngô Sĩ Tuấn Phương

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2025

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Tên Doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco

Địa chỉ : 1079 Phạm Văn Đồng, Khu phố 1, Phường Linh Tây,
Thành phố Thủ Đức, Tp.HCM.

Giấy CN ĐKDN : 0303752249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/4/2005 và cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 27/3/2023.

Thời gian họp : Bắt đầu lúc 08 giờ 00 phút ngày 09 tháng 4 năm 2025.
Kết thúc lúc 11 giờ 30 phút ngày 09 tháng 4 năm 2025.

Địa điểm họp : Hội trường Công ty, số 1079 Phạm Văn Đồng, phường Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Thành phần tham dự:

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco.

- Cổ đông: Đến thời điểm khai mạc, tổng số cổ đông tham dự là 34 cổ đông và người được ủy quyền họp, đại diện cho 10.995.260 cổ phần, chiếm 91,27% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco.

DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

I. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Ban Tổ chức tiến hành đăng ký đại biểu tham dự Đại hội.

2. Ông Nguyễn Trương Nguyễn, Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông: Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

- Tổng số cổ đông được mời theo danh sách chốt ngày 10/3/2025 là 372 cá nhân và 18 tổ chức, tương ứng với 12.046.590 cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội;

- Đến thời điểm 08 giờ 00 phút ngày 09/4/2025, có 34 cổ đông tham dự (bao gồm: cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp), đại diện cho 10.995.260 cổ phần đạt tỷ lệ 91,27% trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco.

Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã đủ điều kiện tiến hành.

3. Ông Nguyễn Tri Nghĩa, thay mặt Ban tổ chức, trình bày Chương trình Đại hội và Tờ trình dự kiến nhân sự Đại hội như sau:

- Đoàn Chủ tọa:

+ Ông Ngô Sĩ Tuấn Phương - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội;

+ Bà Phạm Thị Thu Hồng- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc;

+ Ông Nguyễn Công Minh Khoa - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc.

- Ban Thư ký:

+ Ông Phan Xuân Tuân - Trưởng ban;

+ Bà Lưu Thị Hồng Hương - Thành viên.

- Ban Kiểm phiếu

+ Ông Lưu Quang Huy - Trưởng ban;

+ Ông Nguyễn Hùng Thiên Ân - Thành viên;

+ Ông Tạ Văn Thắng - Thành viên.

Đại hội biểu quyết thông qua như sau:

- *Tán thành: 34 phiếu, tương ứng 10.995.260 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Có ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

4. Ông Nguyễn Tri Nghĩa thay mặt Ban tổ chức trình bày Dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội và xin ý kiến Đại hội biểu quyết thông qua.

- *Tán thành: 34 phiếu, tương ứng 10.995.260 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Có ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

II. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI

Sau khi Ông Ngô Sĩ Tuấn Phương - Chủ tịch Hội đồng quản trị phát biểu khai mạc, Đại hội đã tiến hành chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

1. Ông Nguyễn Công Minh Khoa – Thành viên HĐQT trình bày: Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động năm 2024, phương hướng, kế hoạch năm 2025.

2. Ông Nguyễn Trương Nguyễn - Trưởng Ban kiểm soát trình bày: Báo cáo

của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và phương hướng, kế hoạch năm 2025.

3. Bà Đỗ Ngọc Thắm – Phụ trách Kế toán trình bày: Tóm tắt Báo cáo tài chính năm 2024 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán.

4. Ông Nguyễn Công Minh Khoa – TV.HĐQT, trình bày các tờ trình:

a. Tờ trình thông qua phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025;

b. Tờ trình thông qua tiền lương người quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký năm 2024 và kế hoạch năm 2025;

c. Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;

d. Tờ trình phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập và lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025;

đ. Tờ trình thông qua trích tiền tham gia công tác từ thiện năm 2025;

e. Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

III. BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG XIN Ý KIẾN ĐẠI HỘI

1. Ông Nguyễn Trương Nguyễn – Đại diện Ban Kiểm tra tư cách cổ đông - báo cáo tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền hợp lệ đến 10 giờ 00 phút là 40 người, đại diện cho 10.999.913 cổ phần, chiếm 91,31% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Ông Lưu Quang Huy hướng dẫn cổ đông biểu quyết các nội dung trình Đại hội bằng Phiếu biểu quyết. Đại hội tiến hành biểu quyết.

2.1. Kết quả kiểm Phiếu biểu quyết như sau:

- Số phiếu biểu quyết phát ra: 40 phiếu – tương ứng với 10.999.913 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 100% tổng số phiếu dự họp có quyền biểu quyết;

- Số phiếu biểu quyết thu về: 40 phiếu – tương ứng với 10.999.913 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 100% tổng số phiếu dự họp có quyền biểu quyết;

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 40 phiếu – tương ứng với 10.999.913 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 100% tổng số phiếu dự họp có quyền biểu quyết;

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu – tương ứng với 0 cổ phần có quyền biểu quyết dự họp, chiếm 0% số cổ phần dự họp có quyền biểu quyết.

2.2. Kết quả biểu quyết các nội dung tại Đại hội:

a) Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2024, phương hướng, kế hoạch năm 2025.

Đại hội biểu quyết:

- *Tán thành: 10.999.913 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

b) Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và phương hướng, kế hoạch năm 2025.

Đại hội biểu quyết:

- *Tán thành: 10.999.913 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

c) Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán.

Đại hội biểu quyết:

- *Tán thành: 10.999.913 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

d) Thống nhất phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

Đvt: Đồng

Stt	Diễn giải	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	60.860.108.073
	- Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN	3.381.354.249
2	Thu nhập chịu thuế TNDN	64.241.462.322
3	Thuế TNDN năm 2024 (20% TNCT)	13.260.229.650
	- Thuế TNDN hiện hành	13.260.229.650
4	Lợi nhuận sau khi trừ thuế TNDN	47.599.878.423
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại để phân phối	47.599.878.423
5.1	Lợi nhuận trích các quỹ, tham gia hoạt động từ thiện	11.286.212.962

Stt	Diễn giải	Số tiền
	- Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi (20% LNST)	9.519.975.685
	- Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành (2,24% LNST)	1.066.237.277
	- Tham gia hoạt động từ thiện xã hội	700.000.000
5.2	<i>Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện</i>	<i>36.313.665.461</i>
6	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức	36.774.812.979
	- Lợi nhuận sau thuế năm 2024 sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện	36.313.665.461
	- Lợi nhuận chia cổ tức của các năm trước còn lại	461.147.518
7	Tỷ lệ trả cổ tức 30%/VĐL, trong đó:	36.139.770.000
	- Trả bằng tiền mặt (30%)	36.139.770.000
8	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2025	635.042.979

Đại hội biểu quyết:

- *Tán thành: 10.999.913 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

đ) Thống nhất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025

Đvt: Đồng

Stt	Diễn giải	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	61.000.000.000
	- <i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN</i>	<i>3.000.000.000</i>
2	Thu nhập chịu thuế TNDN	64.000.000.000
3	Thuế TNDN năm 2025 (20% TNCT)	12.800.000.000
4	Lợi nhuận sau khi trừ thuế TNDN	48.200.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại để phân phối	48.200.000.000
5.1	<i>Lợi nhuận trích các quỹ, tham gia hoạt động từ thiện</i>	<i>11.419.680.000</i>
	- <i>Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi (20% LN sau thuế)</i>	<i>9.640.000.000</i>

Stt	Diễn giải	Số tiền
	- Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành (2,24% LNST)	1.079.680.000
	- Tham gia hoạt động từ thiện xã hội	700.000.000
5.2	Lợi nhuận sau thuế sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện	36.780.320.000
6	Lợi nhuận chia cổ tức	37.415.362.979
	- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện	36.780.320.000
	- Lợi nhuận chia cổ tức của các năm trước còn lại	635.042.979
7	Dự kiến tỷ lệ trả cổ tức 30%/VĐL	36.139.770.000
	- Trả bằng tiền mặt (30%)	36.139.770.000
8	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2026	1.275.592.979

Đại hội biểu quyết:

- Tán thành: 10.999.913 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

e) Thông qua quỹ tiền lương người quản lý, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thụ ký năm 2024:

- Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý: 6.506,052 triệu đồng;

- Quỹ thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thụ ký là 714 triệu đồng.

g) Thông qua kế hoạch quỹ tiền lương người quản lý, quỹ thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thụ ký năm 2025, như sau:

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý: 6.521,004 triệu đồng;

- Quỹ thù lao kế hoạch của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thụ ký là 684 triệu đồng.

Căn cứ vào quỹ tiền lương, quỹ thù lao kế hoạch năm 2025, Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định mức lương phù hợp cho người quản lý, thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thụ ký, nhưng không vượt quá tổng quỹ tiền lương, quỹ thù lao kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Đại hội biểu quyết:

- Tán thành: 10.999.913 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

h) Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, như sau:

- Sản lượng bán ra: 14.200 tấn sản phẩm;
- Tổng Doanh thu: 780 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 61 tỷ đồng.

Đại hội biểu quyết:

- Tán thành: 10.999.913 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

i) Thông qua các tiêu thức lựa chọn và danh sách 04 (bốn) đơn vị kiểm toán độc lập theo đề xuất trong tờ trình của Ban kiểm soát để làm căn cứ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số 04 (bốn) đơn vị kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát và giao cho Tổng Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với đơn vị thực hiện soát xét và kiểm toán BCTC năm 2025.

Đại hội biểu quyết:

- Tán thành: 10.999.913 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

k) Thống nhất trích tiền tham gia công tác từ thiện năm 2025 với số tiền 700 triệu đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Đại hội biểu quyết:

- Tán thành: 10.999.913 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

i) Thống nhất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, cụ thể:

Tại Khoản 6, Điều 42 Điều lệ Công ty:

“Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

.....

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.”

Đại hội biểu quyết:

- Tán thành: 10.999.913 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

IV. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Ông Phan Xuân Tuân - Thư ký Đại hội trình bày dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco.

Đại hội biểu quyết thông qua như sau:

- Tán thành: 40 phiếu, tương ứng 10.999.913 cổ phần, tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp;
- Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Có ý kiến khác: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

V. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

- Ông Ngô Sĩ Tuấn Phương – Chủ tọa Đoàn tuyên bố bế mạc Đại hội.



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Địa chỉ: 1079 Phạm Văn Đồng, KP1, P. Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM

Điện thoại: 028 37245264 Fax: 028 37245263 Website: www.safocofood.com.

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Thời gian tổ chức: Lúc 08h00, thứ Tư ngày 09 tháng 4 năm 2025

Địa điểm : Hội trường Công ty, số 1079 Phạm Văn Đồng, Khu phố 1,
Phường Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Thời gian	Nội dung
07h30 - 08h00	<ul style="list-style-type: none">- Tiếp đón cổ đông, khách mời.- Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự và phát tài liệu.
08h00 - 08h20	I. Nghi thức khai mạc Đại hội <ul style="list-style-type: none">- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự.- Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. Giới thiệu và thông qua: <ul style="list-style-type: none">- Chương trình Đại hội.- Danh sách Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu.- Quy chế làm việc tại Đại hội.
08h20 - 10h20	II. Nội dung chính <ol style="list-style-type: none">1. Phát biểu khai mạc Đại hội.2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động năm 2024, phương hướng, kế hoạch năm 2025.3. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và phương hướng, kế hoạch năm 2025.4. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.5. Thông qua các tờ trình Đại hội đồng cổ đông:<ol style="list-style-type: none">a. Tờ trình thông qua phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025;b. Tờ trình thông qua tiền lương người quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký năm 2024 và kế hoạch năm 2025;c. Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;

Thời gian	Nội dung
	<p>d. Tờ trình phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập và lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025;</p> <p>đ. Tờ trình thông qua trích tiền tham gia công tác từ thiện năm 2025;</p> <p>e. Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>g. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông (nếu có).</p> <p>6. Đại hội thảo luận, tiếp thu và giải đáp ý kiến.</p> <p>7. Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung tờ trình (<i>bằng phiếu biểu quyết</i>).</p>
10h20 - 10h40	Nghỉ giải lao
10h40 - 11h20	Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết các nội dung tại Đại hội.
11h20 - 11h30	<p>IV. Thông qua Nghị quyết</p> <p>- Thông qua dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2025.</p> <p>- Bế mạc Đại hội.</p>



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Địa chỉ: 1079 Phạm Văn Đồng, KP.1, P. Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại: 028 37245264 Fax: 028 37245263 Website: www.safocofood.com

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2025

QUY CHẾ LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco;

Để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco được thành công, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty.

Ban tổ chức kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, với các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Phạm vi áp dụng: Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco (gọi tắt là Công ty).

- Đối tượng áp dụng: Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền và các bên tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 2. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

3.1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày **10/3/2025** đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

3.2. Quyền của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

- Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

- Mỗi cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội được nhận thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;

- Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

3.3. Nghĩa vụ của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội

- Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội phải xuất trình giấy Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu và thư mời họp hoặc Giấy ủy quyền (đối với đại diện theo ủy quyền).

- Cổ đông phải đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

- Trong thời gian diễn ra Đại hội, các đại biểu tham dự phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự.

- Các đại biểu phải giữ bí mật, sử dụng và bảo quản tài liệu đúng quy định, không sao chép, ghi âm, ghi hình Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tọa cho phép.

Điều 4. Đoàn Chủ tọa

4.1. Đoàn Chủ tọa gồm Chủ tọa và 02 thành viên, được Đại hội biểu quyết thông qua. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

4.2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình.

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết, trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

Điều 5. Ban Thư ký Đại hội

5.1. Ban Thư ký Đại hội gồm 02 thành viên, được Đại hội biểu quyết thông qua và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

5.2. Nhiệm vụ của Ban thư ký

- Tiếp nhận Phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông chuyển Đoàn Chủ tọa.
- Ghi biên bản Đại hội đầy đủ, trung thực các nội dung của Đại hội.
- Soạn thảo và thông qua Nghị quyết tại Đại hội.

Điều 6. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

6.1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

6.2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đến dự họp.
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco được tổ chức tiến hành.

Điều 7. Ban kiểm phiếu

7.1. Ban kiểm phiếu gồm: 01 Trưởng ban và 02 thành viên, do Đại hội biểu quyết tín nhiệm.

7.2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu

- Xác định chính xác kết quả biểu quyết của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
- Lập biên bản kiểm phiếu biểu quyết và công bố kết quả trước Đại hội.

Điều 8. Thảo luận tại Đại hội

8.1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông.
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào “*Phiếu đăng ký*” và chuyển cho Thư ký Đại hội.
- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tọa.
- Đại biểu khi cần phát biểu thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tọa nhất trí mới được phát biểu, mỗi ý kiến phát biểu không quá 03 phút.

8.2. Giải đáp ý kiến của các đại biểu:

- Trên cơ sở “*Phiếu đăng ký*” của đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của đại biểu;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản.

Điều 9. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

9.1. Nguyên tắc: Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông. Mỗi cổ đông tham dự Đại hội được cấp một Thẻ biểu quyết và một Phiếu biểu quyết, trong đó có ghi tên, mã số cổ đông và số cổ phần được quyền biểu quyết của cổ đông.

a) Thẻ biểu quyết dùng để biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội như: Chương trình họp; Quy chế làm việc tại Đại hội; Nhân sự Đoàn Chủ tọa, Ban thư ký, Ban Kiểm phiếu; Nghị quyết Đại hội...

b) Phiếu biểu quyết dùng để biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và phương hướng, kế hoạch năm 2025.

- Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và phương hướng, kế hoạch năm 2025.

- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

- Tờ trình thông qua phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025;

- Tờ trình thông qua tiền lương người quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký năm 2024 và kế hoạch năm 2025;

- Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;

- Tờ trình phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập và lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025;

- Tờ trình thông qua trích tiền tham gia công tác từ thiện năm 2025;

- Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

- Vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông (nếu có).

9.2. Cách biểu quyết

a) Thẻ biểu quyết: Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Đoàn Chủ tọa.

b) Phiếu biểu quyết: Cổ đông biểu quyết một vấn đề bằng cách lựa chọn phương án (*tán thành, không tán thành hay không có ý kiến*) vào từng nội dung cần biểu quyết.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Cổ đông/đại diện theo ủy quyền và các bên tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco biểu quyết thông qua.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỌA
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Ngô Sĩ Tuấn Phương



Số: 02/BC-SAF/HĐQT

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

Về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, phương hướng kế hoạch năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

1. Thành phần Hội đồng quản trị

Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco (sau đây viết tắt là Công ty) tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc), thành phần Hội đồng quản trị như sau:

Số TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1.	Ông Ngô Sĩ Tuấn Phương	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	10/4/2024
2.	Bà Phạm Thị Thu Hồng	Thành viên HĐQT điều hành	07/4/2023
3.	Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên HĐQT không điều hành	07/4/2023
4.	Ông Nguyễn Công Minh Khoa	Thành viên HĐQT điều hành	07/4/2023
5.	Ông Nguyễn Quang Tâm	Thành viên HĐQT không điều hành	10/4/2024

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024

2.1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

Năm 2024, tình hình kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt nhiều thử thách, cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, giá xăng dầu, hàng hóa cơ bản, cước vận tải biến động mạnh, tỷ giá, lãi suất biến động khó lường. Ở trong nước, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, GDP đạt mức tăng trưởng 7,09%, vượt mục tiêu đã đề ra, tuy nhiên vẫn chịu tác động tiêu cực từ suy giảm nhu cầu toàn cầu, sự suy thoái kinh tế ở các thị trường lớn như Mỹ, EU và Trung Quốc đã tác động đến nhu cầu tiêu thụ hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Đối với Công ty Safoco, năm 2024 là một năm đầy thách thức khi phải đối mặt với hàng loạt khó khăn: thời tiết diễn biến bất thường, sức mua giảm, sản lượng bán ra chậm, cạnh tranh gay gắt từ đối thủ, cùng với chi phí thuê đất, giá nguyên liệu đầu vào tăng cao, kết hợp với sự biến động khó lường của tỷ giá, đã tác động tiêu cực đến chi phí sản xuất và hiệu quả kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty được

sự quan tâm, hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Công đoàn, Văn phòng và các Ban nghiệp vụ Tổng Công ty Lương thực miền Nam (Vinafood 2), sự tin tưởng, ủng hộ của cổ đông, cùng với nỗ lực, quyết tâm cao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể người lao động cùng vượt qua khó khăn, thực hiện hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao, kết quả như sau:

a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính:

Số TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2024	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ (%) thực hiện năm 2024 so với	
						Kế hoạch	Cùng kỳ
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	820.000	732.110	803.921	89,28	91,07
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	15.000	14.329	14.389	95,53	99,58
3	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	14.200	13.808	13.784	97,24	100,17
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	62.500	60.860	64.988	97,38	93,65
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	25.000	29.571	31.670	118,28	93,37

b) Công tác quản lý vốn

Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, quản lý, kiểm soát vốn chặt chẽ, chủ động sắp xếp các nguồn vốn phục vụ kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối chiếu và thu hồi công nợ đúng quy định trong các hợp đồng đã ký, đặc biệt, Công ty không có trường hợp nào là công nợ khó đòi.

Công ty đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 với Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Các báo cáo tài chính quý, bán niên và năm 2024 hoàn thành đúng thời hạn, được Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện soát xét và kiểm toán, chấp thuận toàn bộ, không có ý kiến ngoại trừ hay khuyến cáo.

Công ty đã ký hợp đồng mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, bảo hiểm tiền và tài sản với Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội (thời hạn bảo hiểm đến 18/7/2025).

Ngày 20/12/2024, Công ty Safoco vinh dự được Cục Thuế Tp.Hồ Chí Minh tặng Giấy khen thực hiện tốt chính sách, pháp luật và nghĩa vụ nộp thuế.

c) Công tác đầu tư – chuyển đổi số:

Công tác đầu tư tiếp tục được thực hiện có hiệu quả, với sự thống nhất cao trong chủ trương và kế hoạch của Hội đồng quản trị. Năm 2024, Công ty thực hiện hoàn thành 04 hạng mục đầu tư với tổng giá trị hoàn thành quyết toán là 1.639 triệu đồng, các hạng mục đầu tư mua sắm máy móc thiết bị được triển khai kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, góp phần nâng cao năng lực sản xuất.

Công tác đầu tư được thực hiện đúng quy trình, có tham khảo, so sánh giá với thị trường, giám sát chặt chẽ và triệt để tiết kiệm chi phí, giá trị thực hiện thấp hơn giá trị được duyệt.

Về công tác chuyển đổi số, Công ty đã đầu tư phần mềm quản trị tài chính kế toán (TAFi), đăng ký phần mềm Vtracking quản lý và giám sát phương tiện vận tải, sử dụng chữ ký số để thực hiện các thủ tục hành chính, lắp đặt trang thiết bị cho phòng họp trực tuyến phục vụ các cuộc họp online, làm việc với khách hàng, đối tác, lắp đặt hệ thống camera giám sát ở các phân xưởng sản xuất, ký hợp đồng mua bản quyền phần mềm Microsoft Window và phần mềm Microsoft Office để bảo mật thông tin, dữ liệu...

c) Công tác tổ chức, quản lý nguồn nhân lực:

Công ty duy trì bộ máy tổ chức ổn định, đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật, nghiệp vụ có trình độ chuyên môn vững vàng, công nhân lành nghề, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

Công ty đảm bảo người lao động có công việc ổn định, thu nhập tăng trưởng hàng năm. Chính sách lương, thưởng được thực hiện công bằng, minh bạch, theo năng suất lao động và hiệu quả công việc. Năm 2024, tiền lương bình quân của người lao động năm 2024 đạt 16,226 triệu đồng/người/tháng.

Luôn tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy năng lực tối đa, thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo định kỳ và ngắn hạn để người lao động cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, có các giải pháp đãi ngộ, thu hút lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý và xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa đạt hiệu quả.

Năm 2024, Công ty rất vinh dự được Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam xét chọn là một trong 67 doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn “Doanh nghiệp tiêu biểu vì Người lao động”

d) Nhiệm vụ của công ty đại chúng đã niêm yết

Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14;

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các quy định của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 16/01/2025, Công ty đã chi trả tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 30%/cổ phiếu.

2.2. Về công tác quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện trách nhiệm theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Theo phân công nhiệm vụ, các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích hợp pháp của Cổ đông và Công ty, tạo điều kiện thuận lợi để Ban Tổng Giám đốc chủ động trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh.

Năm 2024, HĐQT đã tổ chức 8 cuộc họp (trong đó 04 cuộc họp trực tiếp và 04 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) để quyết định các nội dung

thuộc thẩm quyền của HĐQT, có sự tham gia dự họp của các thành viên Ban kiểm soát.

Các quyết định, chỉ đạo của HĐQT đều được ban hành nghị quyết và quyết định để Ban Tổng giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện. Trong năm, HĐQT đã ban hành 10 nghị quyết, 09 quyết định, nội dung các nghị quyết, quyết định đã được thể hiện trên Báo cáo quản trị Công ty năm 2024 và đã được công bố thông tin theo quy định.

Tổng số tiền thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2024 là 462.000.000 đồng, trong đó:

- Chủ tịch HĐQT không chuyên trách (đến hết tháng 03/2024): 10 triệu đồng/tháng x 01 người x 03 tháng = 30 triệu đồng;
- Chủ tịch HĐQT chuyên trách (từ tháng 04/2024) hưởng lương không hưởng thù lao;
- Thành viên HĐQT: 09 triệu đồng/người/tháng x 04 người x 12 tháng = 432 triệu đồng.

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, HĐQT đã kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc như sau:

- Giám sát chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời và kiên quyết các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
- Theo dõi tình hình hoạt động kinh doanh thông qua các cuộc họp định kỳ và các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc; thường xuyên giám sát thực hiện kế hoạch kinh doanh trong kỳ để có chỉ đạo kịp thời.
- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường đúng quy định của pháp luật.
- Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc yêu cầu làm rõ/giải trình các nội dung trước khi quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

Hội đồng quản trị đã thảo luận, thông qua các nội dung trình trong cuộc họp bằng các nghị quyết để Ban Tổng Giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện.

Việc chỉ đạo kiểm tra, giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc theo đúng thẩm quyền, trách nhiệm được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và quy định nội bộ Công ty. Qua kiểm tra giám sát, HĐQT đã nắm bắt kịp thời tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, có chỉ đạo kịp thời hạn chế thấp nhất rủi ro.

4. Đánh giá kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện tốt công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ Công ty, thực hiện đúng các nghị quyết, quyết định của HĐQT để đảm bảo mang lại lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và Cổ đông.

Quản lý tốt rủi ro, kiểm soát chặt chẽ chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh, có tầm nhìn, nhạy bén, định hướng đúng trong chiến lược phát triển bền vững, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu Safoco ngày càng lan tỏa rộng rãi ở thị trường trong nước và quốc tế.

Trong công tác sản xuất, luôn duy trì và kết hợp có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018 và HACCP, FSSC 22000. Chất lượng sản phẩm được kiểm tra nghiêm ngặt, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng, đáp ứng tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo đạt tiêu chuẩn tốt nhất trước khi đưa ra thị trường.

Duy trì và phát triển hệ thống phân phối sẵn có rộng khắp cả nước thông qua các đại lý truyền thống, kênh siêu thị cao cấp, các cửa hàng tiện ích, đồng thời không ngừng khai thác thêm các cửa hàng tạp hóa, điểm bán nhỏ lẻ ở vùng sâu để tăng độ phủ, nhằm quảng bá, lan tỏa thương hiệu và gia tăng sản lượng.

Đối với thị trường xuất khẩu, nắm bắt kịp thời các tiêu chuẩn nhập khẩu nghiêm ngặt, khắt khe, những phong tục tập quán, thị hiếu của từng nước nhập khẩu, tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường. Hiện nay, sản phẩm của Safoco cũng đã thâm nhập được vào những thị trường khó tính, đòi hỏi chất lượng cao như: Mỹ, Úc, Đức, Canada, Nga, Na Uy, Thụy Điển, Tiệp Khắc, Hàn Quốc, Nhật Bản, các nước thuộc khối Asian...

Thực hiện tốt công tác quản trị tài chính, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Tuân thủ nghĩa vụ nộp thuế đối với nhà nước.

Cải tạo, nâng cấp nhà xưởng, đầu tư mới máy móc thiết bị, khai thác tối đa công suất nhà máy, ổn định sản xuất đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ thị trường.

Đảm bảo 100% người lao động có việc làm ổn định, thu nhập tăng trưởng hàng năm, các chế độ, quyền lợi thực hiện đúng hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, quy định Bộ Luật lao động.

Công bố thông tin chính xác, công khai, minh bạch đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

5. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

5.1. Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ (KTNB)

Ban KTNB được thành lập theo Nghị quyết số 06/NQ-SAF/HĐQT ngày 09/8/2021 là một bộ phận trực thuộc HĐQT của Công ty. Ban KTNB hoạt động theo Quy chế KTNB do HĐQT ban hành theo Quyết định số 01/QĐ-SAF/HĐQT ngày 10/8/2021 phù hợp với Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

5.2. Kết quả hoạt động của Ban KTNB trong năm 2024

Trong năm 2024, Ban kiểm toán nội bộ đã thực hiện những nội dung công việc như sau:

- Kiểm tra thẩm định các báo cáo tài chính quý, bán niên và năm 2024.
- Xem xét tình hình công nợ, các khoản phải thu, phải trả của các đơn vị đối tác bên ngoài và nội bộ của công ty.

- Kiểm tra kết quả hoạt động trong năm 2024 bao gồm nhưng không giới hạn: doanh thu, chi phí, lợi nhuận...

- Kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, xem xét khó khăn và thuận lợi của thị trường xuất khẩu, nội địa.

- Xem xét công tác tổ chức lao động, chế độ lương thưởng, đảm bảo thu nhập ổn định và phù hợp với thỏa ước lao động đã ký kết với người lao động.

- Xem xét tình hình hàng hóa tồn kho trong công ty và của các điểm bán.

- Tham gia góp ý kiến xây dựng định hướng kế hoạch kinh doanh và phân tích các mảng thị trường như các điểm bán lẻ, đại lý và hệ thống các kênh siêu thị theo từng khu vực.

- Đề xuất biện pháp khắc phục những sai sót trong công tác kế toán, kiến nghị xử lý những sai phạm và theo dõi khắc phục những tồn tại đã phát hiện.

Hoạt động kiểm toán của Ban kiểm toán nội bộ được thực hiện chủ yếu bằng phương thức kiểm toán “định hướng theo rủi ro”, ưu tiên tập trung nguồn lực để kiểm toán các bộ phận, quy trình được đánh giá có mức độ rủi ro cao.

Kết quả kiểm toán nội bộ:

- Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Thống nhất với ý kiến kết luận của đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Kiểm toán AASC), kiểm toán soát xét báo cáo tài chính bán niên và kết thúc năm 2024 được Công ty kiểm toán chấp thuận toàn bộ, không có ý kiến ngoại trừ hay khuyến cáo.

- Trong năm không có sự thay đổi nào về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chính sách thuế có tác động đến tình hình tài chính và báo cáo tài chính đã công bố;

- Không phát hiện sai sót trọng yếu hoặc bất hợp lý làm sai lệch báo cáo.

- Về công tác điều hành:

+ Công ty đã triển khai một hệ thống quản lý toàn diện, bao gồm các hoạt động giám sát, đánh giá, đào tạo và các chính sách nhân sự rõ ràng, nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật, quy định và các tiêu chuẩn đạo đức, đồng thời duy trì một môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và công bằng. Cam kết tuân thủ đạo đức kinh doanh cao, thực hiện các biện pháp bảo mật để bảo vệ thông tin của khách hàng.

+ Thường xuyên rà soát, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, Người lao động và các yêu cầu khác theo các quy định của pháp luật, quản trị rủi ro có hiệu quả, nhận diện các rủi ro, đưa ra các biện pháp ứng phó, tổ chức giám sát và báo cáo hiệu quả.

6. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

7. Về giao dịch với các bên liên quan đã được Công ty báo cáo trong Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024 và công bố thông tin đúng quy định.

8. Thù lao, tiền lương, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị

quyết Đại hội đồng cổ đông và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm 2024 được Chi nhánh Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC kiểm toán.

II. PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH 2025

1. Các chỉ tiêu cơ bản:

- Sản lượng bán ra : 14.200 tấn sản phẩm.
- Tổng Doanh thu : 780 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 61 tỷ đồng.

2. Các giải pháp thực hiện:

Luôn đặt tiêu chí chất lượng lên hàng đầu, kiểm tra chặt chẽ nguyên phụ liệu đầu vào, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đa dạng hóa sản phẩm, mẫu mã bao bì... cam kết sản xuất và cung cấp ra thị trường sản phẩm có chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng, phù hợp với tiêu chuẩn Bộ Y tế và các nước nhập khẩu.

Khai thác, vận hành máy móc thiết bị sản xuất một cách hiệu quả, kiểm soát tiêu hao chi phí nguyên liệu, hợp lý hóa quy trình sản xuất, tăng thu hồi thành phẩm, giảm giá thành, nâng sức cạnh tranh.

Giữ vững khách hàng truyền thống, tiếp tục mở rộng thị trường nội địa và xuất khẩu, đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng, phát triển mạng lưới phân phối, đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động bán hàng, tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường, quảng bá thương hiệu, đáp ứng các yêu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng, hiệu quả.

Tiếp tục triển khai các chương trình xúc tiến thương mại, thâm nhập các thị trường xuất khẩu mới, khai thác thêm khách hàng, đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm mang thương hiệu Safoco ra thị trường nước ngoài.

Tiếp tục kiểm soát vốn chặt chẽ, đối chiếu và thu hồi công nợ đúng quy định trong các hợp đồng đã ký; chủ động sắp xếp các nguồn vốn phục vụ kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh.

Giám sát chặt chẽ việc thực hành tiết kiệm chi phí trong hoạt động sản xuất góp phần giảm giá thành, mang lại hiệu quả chung cho Công ty.

Thực hiện báo cáo tài chính định kỳ quý, bán niên, năm đúng thời gian quy định, công khai minh bạch để giúp các nhà đầu tư nắm bắt các thông tin chính xác.

Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, ứng dụng công nghệ tự động hóa vào sản xuất để gia tăng sản lượng, giảm công đoạn thủ công, giảm giá thành, nâng sức cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập.

Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng tay nghề phù hợp với mục tiêu phát triển Công ty, nâng cao năng suất lao động.

Quan tâm, chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Nghiên cứu, đề xuất các chính sách đãi ngộ phù hợp để giữ và thu hút nhân sự.

Năm 2024, mặc dù kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu kế hoạch đề ra, nhưng Ban Điều hành đã có những quyết sách chính xác, kịp thời, năng động, nhạy bén trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, cùng với

sự đồng lòng ủng hộ của người lao động, dốc sức hoàn thành nhiệm vụ, với kết quả rất đáng ghi nhận và khích lệ như sau: sản lượng tiêu thụ 13.808 tấn, đạt 97,2% kế hoạch, lợi nhuận 60,9 tỷ đồng, đạt 97,4% kế hoạch; tiền lương bình quân của người lao động 16,2 triệu đồng/người/tháng, chế độ phúc lợi được thực hiện đầy đủ, đúng thỏa ước đã ký, nộp ngân sách nhà nước 29,6 tỷ đồng, dự kiến chi trả cổ tức 30%/vốn điều lệ, đây là nỗ lực rất lớn của tập thể Công ty Safoco trong giai đoạn hiện nay.

Bước sang năm 2025, năm thứ 3 của nhiệm kỳ 2023-2027, dự báo sẽ có những thuận lợi, khó khăn nêu trên, nhưng được sự tin tưởng của Đại hội đồng cổ đông, sự quan tâm, hỗ trợ kịp thời của Ban lãnh đạo Tổng Công ty Lương thực miền Nam (Vinafood 2), Hội đồng quản trị Safoco giám sát, chỉ đạo đúng hướng, cùng với tinh thần đoàn kết, chung sức, đồng lòng, năng động, đổi mới, sáng tạo, không lùi bước trước khó khăn, thách thức của tập thể Ban Tổng Giám đốc và người lao động, cùng quyết tâm, nỗ lực hơn nữa để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đã đặt ra.

Với triết lý kinh doanh “Đặt lợi ích sức khỏe người tiêu dùng lên trên hết”, Công ty luôn xác định chất lượng sản phẩm là yếu tố quyết định sự sống còn của doanh nghiệp, người lao động là tài sản vô giá, kinh doanh phải đảm bảo hài hòa lợi ích Công ty - Cổ đông - Người lao động và các bên liên quan, quản trị nguồn vốn tốt, bảo vệ môi trường, có trách nhiệm với xã hội, tuân thủ nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước. Safoco luôn tự tin rằng với sự nỗ lực không ngừng nghỉ, luôn đổi mới, nắm bắt kịp thời xu hướng phát triển bền vững, trong tương lai các sản phẩm mang thương hiệu Safoco sẽ tiếp tục vươn xa, chinh phục được các thị trường khó tính nhất, phát huy giá trị và khẳng định vị thế của SAFOCO - Thương hiệu quốc gia Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Sĩ Tuấn Phương

Số: 02/2025/SAF-BKS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO

Về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và phương hướng, kế hoạch năm 2025

Kính thưa đại hội!

Thưa toàn thể quý vị cổ đông!

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco (Safoco) và các quy định có liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS), các kiểm soát viên đã họp và nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, như sau:

I. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Về tổ chức các cuộc họp, làm việc:

- Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên để đánh giá kết quả công việc đã thực hiện trong quý, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị (HĐQT) trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

- Ngoài ra, Ban Kiểm soát đã được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư; tham gia thảo luận tại các cuộc họp, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

- Tổng mức thù lao của Ban kiểm soát năm 2024 là 180 triệu đồng (02 thành viên Ban kiểm soát thù lao là 7.500.000 đ/tháng, chưa bao gồm tiền lương Trưởng BKS).

- Về chi phí hoạt động của BKS năm 2024: tuân thủ theo quy định của nhà nước và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

2. Các công tác đã thực hiện năm 2024

- Ban kiểm soát chúng tôi đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị; tham gia đầy đủ các buổi kiểm phiếu biểu quyết về việc lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thông qua các Tờ trình của Ban điều hành và thực hiện các công việc theo các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp, cụ thể sau:

+ *Kiểm tra, giám sát hàng quý trên cơ sở báo cáo thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư XD CB của Công ty.*

+ Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

+ Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính; Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Điều lệ công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

+ Thẩm định, kiểm tra báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính các quý trong năm 2024, báo cáo soát xét sáu tháng đầu năm 2024, báo cáo kết thúc niên độ kế toán năm 2024, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.

+ Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty. Thảo luận với kiểm toán viên Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện bằng phương thức giám sát trực tiếp, giám sát gián tiếp, giám sát trước, giám sát trong, giám sát sau; do đặc thù của Safoco nên Ban Kiểm soát tập trung chủ yếu việc giám sát trước và giám sát trong nhằm phát hiện kịp thời các rủi ro về tài chính, những hạn chế trong công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp và có đưa ra các cảnh báo, giải pháp cho Ban Tổng giám đốc trong quản lý và điều hành công ty.

II. BÁO CÁO GIÁM SÁT, THẨM ĐỊNH VÀ NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Công tác giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc công ty

Ban Kiểm soát đảm bảo các chức năng trong việc giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT và Tổng Giám đốc. Cụ thể như sau:

a) Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm và bất thường theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định pháp luật. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật và công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm.

- Hội đồng quản trị đã ban hành 10 Nghị quyết và 09 Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty giúp cho Ban Tổng giám đốc điều hành rất tốt từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ.

- Thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định đối với Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

b) Hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Quyết định của HĐQT kịp thời trong hoạt động SXKD của Công ty

- Ban Tổng giám đốc đã chủ động nắm bắt được thời cơ, có nhiều linh hoạt và sáng tạo, chỉ đạo điều hành quyết liệt trong sản xuất kinh doanh để mang lại lợi nhuận cao nhất cho Công ty. Nâng cấp, sửa chữa nhà xưởng, đầu tư mới và đại tu máy móc thiết bị, được BKS xem xét đánh giá thực hiện đúng theo quy định, nhanh chóng và tiết kiệm.

- Quản lý được những rủi ro và chi phí trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Đặc biệt là chú trọng trong việc duy trì và chăm sóc khách hàng hiện có tạo ra mối liên hệ mật thiết với khách hàng để khách hàng ở lại lâu dài với thương hiệu, và không ngừng tìm kiếm khách hàng và thị trường tiêu thụ sản phẩm mới, xây dựng thương hiệu sản phẩm của Công ty theo cách bền vững.

- Sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Thực hiện tốt công tác quản lý tiền hàng đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả.

- Đảm bảo sự ổn định trong SXKD, thực hiện tốt các nghĩa vụ với Nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động.

- Rà soát, bổ sung và sửa đổi các quy định nội bộ phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, trình HĐQT phê chuẩn và ban hành để tổ chức thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

c) Nhận xét của Ban kiểm soát

- Các hoạt động của Công ty trong năm qua tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT.

- Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho doanh nghiệp niêm yết.

2. Về thẩm định báo cáo tài chính và nhận xét của Ban kiểm soát

a) Ban kiểm soát đánh giá hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty là rõ ràng và đáng tin cậy, các số liệu kế toán được phản ánh trung thực tình hình tài chính, Ban kiểm soát chưa thấy vấn đề gì nghiêm trọng xét trên các phương diện trọng yếu có thể ảnh hưởng đến tính trung thực hợp lý của Báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm 2024 được lập đầy đủ mẫu biểu theo quy định, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Được Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC chấp thuận toàn bộ, không có ý kiến ngoại trừ hay khuyến cáo.

b) Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco tại ngày 31/12/2024.

Chỉ tiêu	31/12/2024	01/01/2024	Tỷ lệ so đầu kỳ
A. Tài sản và Nguồn vốn			
I- Tài sản ngắn hạn	234.801.148.291	231.673.230.206	101,35%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	64.762.103.989	55.316.401.129	117,08%
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	55.002.150.000	46.502.150.000	118,28%
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	43.041.400.462	32.200.422.121	133,67%
4. Hàng tồn kho	63.737.825.695	90.108.730.561	70,73%
5. Tài sản ngắn hạn khác	8.257.668.145	7.545.526.395	109,44%
II- Tài sản dài hạn	24.293.996.947	26.282.708.772	92,43%
1. Các khoản phải thu dài hạn	48.100.000	48.100.000	100,00%
2. Tài sản cố định	24.085.896.947	26.221.274.772	91,86%
3. Tài sản dài hạn khác	160000000	13.334.000	1199,94%
Cộng Tài sản	259.095.145.238	257.955.938.978	100,44%
I- Nợ phải trả	80.213.663.016	81.006.108.637	99,02%
1. Nợ ngắn hạn	80.213.663.016	81.006.108.637	99,02%
2. Nợ dài hạn	0	0	-
II- Vốn chủ sở hữu	178.881.482.222	176.949.830.341	101,09%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	120.465.900.000	120.465.900.000	100,00%
2. Quỹ đầu tư phát triển	10.354.556.281	5.233.641.814	197,85%
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	48.061.025.941	51.250.288.527	93,78%
-LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	461.147.518	41.143.853	1120,82%
-LNST chưa phân phối kỳ này	47.599.878.423	51.209.144.674	92,95%
Cộng Nguồn vốn	259.095.145.238	257.955.938.978	100,44%
B. Kết quả kinh doanh	Năm 2024	Năm 2023	Tỷ lệ so cùng kỳ
- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	723.778.164.286	792.803.610.536	91,29%

Chỉ tiêu	31/12/2024	01/01/2024	Tỷ lệ so đầu kỳ
- Doanh thu hoạt động tài chính & thu nhập khác	6.750.486.659	8.711.299.758	77,49%
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60.860.108.073	64.988.244.376	93,65%
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	47.599.878.423	51.209.144.674	92,95%
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	3.270	3.518	92,95%

c) Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Số TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
1	Khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,93	2,86
	- Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,13	1,75
2	Cơ cấu vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	30,96	31,4
	- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	44,48	45,78
3	Năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ)	Vòng	7,62	8,33
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,79	3,07
4	Khả năng sinh lời			
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần (ROS)	%	6,58	6,46
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	26,61	28,94
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản (ROA)	%	18,37	19,85
	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	8,21	7,99
5	Tổng Lợi nhuận trước thuế + Lãi vay (EBIT)	Triệu	60.860	64.988
	- Lợi nhuận trước thuế		60.860	64.988
	- Lãi vay		0	0

- Nhận xét, đánh giá một số chỉ tiêu tài chính tại ngày 31/12/2024:
- + Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) tại ngày 31/12/2024: 2,93 lần >1, công ty đảm bảo khả năng thanh toán tốt.
- + Số vòng quay phải thu ở khách hàng 20,5 lần (Doanh thu/Phải thu ở khách hàng BQ).
- + Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu chiếm 45% (Tổng nợ phải trả/Tổng vốn chủ sở hữu): (thời điểm 01/01/2024: 46%).
- + Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu: 8,31%
- + Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ: 50,52%

3. Đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2024:

a) Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết số 01/NQ-SAF-ĐHCD ngày 10/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ so KH năm (%)	Tỷ lệ so cùng kỳ (%)
Tổng doanh thu	Tr.đ	820.000	732.110	803.921	89,28%	91,07%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ	820.000	723.778	792.804	88,27%	91,29%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	62.500	60.860	64.988	97,38%	93,65%
Tỷ suất lãi gộp/ doanh thu thuần	%		19,05%	18,18%	-	104,78%
Chi phí bán hàng/ doanh thu thuần	%		8,90%	8,49%	-	104,74%
Chi phí quản lý/ doanh thu thuần	%		2,76%	2,74%	-	100,88%
Lợi nhuận trước thuế/ Tổng doanh thu	%	7,62%	8,31%	8,08%	109,07%	102,83%

Trong đó: hiệu quả kinh doanh theo ngành:

- Mặt hàng sản xuất chế biến chính: 50.785 triệu đồng chiếm 83,4 % tổng LN
- Mặt hàng bách hóa & DV: 2.699 triệu đồng chiếm 4,4 % tổng LN
- Hoạt động tài chính ,khác: 7.376 triệu đồng chiếm 12,2 % tổng LN

Trong năm 2024, Tổng doanh thu đạt được là 732.110 triệu đồng đạt 89,3% so với kế hoạch năm và 91,1% so với cùng kỳ năm 2023. Sản lượng thực phẩm chế biến tiêu thụ trong kỳ đạt 97,2% so với kế hoạch và 100,2% so với cùng kỳ. Cơ cấu doanh thu có sự thay đổi giảm của mảng thương nghiệp và doanh thu tài chính. Năm 2024 giá nguyên vật liệu sản xuất vẫn đang tăng và giá bán giữ nguyên không đổi

nên chỉ tiêu lợi nhuận trong năm 2024 đạt 60.860 triệu đồng giảm 2,6% so với kế hoạch và 6,4% so cùng kỳ 2023 nhưng Công ty luôn đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động và bảo toàn vốn cho cổ đông.

b) Về doanh thu, thu nhập khác (bao gồm hoạt động tài chính)

- Doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ là: 6.750 triệu đồng, trong đó: lãi tiền gửi ngân hàng: 4.307 triệu đồng, chênh lệch tỷ giá 2.443 triệu đồng.

- Thu nhập khác trong kỳ là: 1.581 triệu đồng, trong đó cho thuê lại mặt bằng là 969 triệu đồng, thừa do kiểm kê NPL: 74 triệu đồng, thu hồi phế vụn 248 triệu đồng, thanh lý CCDC: 135 triệu đồng, thanh lý TSCĐ (02 xe tải 1,25 tấn): 155 triệu đồng.

c) Về chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

- Chi phí tài chính (Lỗ chênh lệch tỷ giá) phát sinh trong kỳ: 793 triệu đồng.

- Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ: 64.396 triệu đồng, giảm 2.948 triệu đồng tương ứng tỷ lệ 4,6 % so cùng kỳ; Chủ yếu do giảm chi phí tiền lương (theo Quyết định 30/QĐ-SAF ngày 30/06/2024, Công ty giảm chi phí tiền lương từ Quỹ dự phòng tiền lương của năm 2023 để bổ sung quỹ tiền lương năm 2024 mà trong 06 tháng đầu năm 2024 chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết, theo quy định phải tính giảm chi phí trong năm nay tương ứng số tiền 3.217 triệu đồng). Công ty đã áp dụng quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quỹ tiền lương theo tinh thần thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 và hướng dẫn về thuế TNDN theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ: 20.005 triệu đồng, giảm 1.717 triệu đồng tương ứng tỷ lệ 8,6% so cùng kỳ 2023.

Về chi phí khác phát sinh trong kỳ: 163 triệu đồng, gồm: Hao hụt nguyên phụ liệu theo định mức: 64 triệu đồng; phạt vi phạm hành chính liên quan đến kiểm tra quyết toán thuế từ năm 2023 theo quyết định 2661/QĐ-CT ngày 05/08/2024: 66 triệu đồng; phạt vi phạm hành chính liên quan đến xả nước thải có chứa thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật: 33 triệu đồng.

d) Về thù lao Hội đồng quản trị, BKS và thư ký HĐQT

Tổng thù lao Hội đồng quản trị, BKS và người phụ trách HĐQT đã chi trong năm 2024: 714 triệu đồng, trong đó: HĐQT: 462 triệu đồng, BKS: 180 triệu đồng và thư ký HĐQT: 72 triệu đồng, số thù lao đã chi phù hợp với nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2024.

e) Các khoản mục khác

Về quỹ tiền lương: Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ-SAF/HĐQT ngày 16/03/2024, HĐQT thống nhất phê duyệt tạm trích quỹ tiền lương năm 2024 là 127.860 triệu đồng. Trong năm 2024, Công ty tạm trích quỹ lương theo nhân công và sản lượng sản xuất thực tế là 120.395 triệu đồng giảm so với mức bình quân kế hoạch 5,8%, so với cùng kỳ 7,2%. Công ty đang vận dụng theo hướng dẫn của thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH, xác định mức tiền lương bình quân thực hiện so với kế hoạch để trả lương cho người lao động đúng theo quy định.

- Khoản mục trích trước chi phí phải trả: Chi phí các khoản hỗ trợ KM, QC, CK cho hệ thống đại lý và siêu thị là 6.081 triệu đồng.

- Trong năm, Công ty đã thực hiện ký hợp đồng Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và Bảo hiểm tiền năm 2024-2025 với Tổng Công Ty CP bảo Hiểm Sài Gòn – Hà Nội - Công ty Bảo Hiểm BSH Bình Dương với tổng giá trị bảo hiểm cháy nổ bắt buộc là 263.112 triệu đồng, với 08 địa điểm được bảo hiểm (có CN Hà Nội) với các chỉ tiêu: TSCĐ 144.112 triệu đồng, NVL 6.000 triệu đồng, CCDC 500 triệu đồng, Thành phẩm 112.500 triệu đồng. Điều này góp phần hạn chế rủi ro cho công ty cũng như yên tâm trong các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại đơn vị.

f) Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Bảo hiểm Xã hội TP.HCM tiến hành kiểm tra việc tổ chức thực hiện lập hồ sơ và chi trả các chế độ liên quan đến BHXH tại Công ty từ ngày 01/01/2023 đến 31/03/2024 theo Quyết định số 622/QĐ-BHXH ngày 02/04/2024 của bảo hiểm xã hội TP.HCM. Ngoài kiến nghị thu hồi lại số tiền 0,6 triệu đồng do tính dư cho người lao động, đoàn kiểm tra đánh giá Công ty thực hiện tốt các chế độ liên quan BHXH và chi trả cho người lao động.

Đầu năm 2024, từ việc nắm bắt tình hình về những Doanh nghiệp rủi ro cao về thuế, những doanh nghiệp thành lập nhưng không kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế, căn cứ trên tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2023 đã được lập, kê khai và nộp thuế, Công ty tự rà soát đối chiếu với Cục thuế TP.HCM xác định 193 hóa đơn đầu vào của 59 doanh nghiệp có rủi ro cao về thuế, đã thực hiện giảm khấu trừ GTGT 176 triệu đồng, nộp bổ sung thuế TNDN 355 triệu đồng, đã được ghi nhận vào báo cáo tài chính năm 2024. Qua đó, đảm bảo minh bạch trong báo cáo tài chính, phòng ngừa rủi ro và đảm bảo nghĩa vụ với Nhà nước.

Công ty cũng chủ động làm việc để được Phòng Thanh tra – kiểm tra số 10 Cục thuế Tp.HCM đưa vào kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế tại doanh nghiệp trong tháng 07 năm 2024 để được quyết toán thuế của năm 2023. Kết quả kiểm tra, phát sinh thuế phải nộp liên quan đến các khoản quyết toán thuế năm 2023: 112,5 triệu đồng (trong đó, truy thu thuế TNDN: 57 triệu đồng, TNCN: 18,5 triệu đồng, phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp: 37 triệu đồng), giảm khấu trừ thuế GTGT: 176 triệu đồng theo quyết định số 2661/QĐ-CT ngày 05/08/2024 của Cục Thuế TP.HCM.

Số thuế phải nộp nhà nước năm 2024 là 29.571 triệu đồng (chủ yếu: Thuế Giá trị gia tăng: 2.882 triệu đồng, Thuế Thu nhập doanh nghiệp: 13.203 triệu đồng, tiền thuê đất: 9.341 triệu đồng, thuế TNCN: 3.848 triệu đồng, thuế phí khác 297 triệu đồng, số thuế còn phải nộp đến ngày 31/12/2024 là: 4.884 triệu đồng. Trong năm 2024 công ty không để phát sinh nợ thuế, chậm nộp thuế và thực hiện tốt theo quy định nhà nước.

4. Hoạt động đầu tư vốn, tài sản và quản lý tài sản

a) Tình hình thực hiện đầu tư XDCB năm 2024 và lũy kế đến 31/12/2024

- Theo kế hoạch đầu tư XDCB năm 2024 với tổng mức đầu tư là 9.659 triệu đồng (Kế hoạch năm 2024: 4.150 triệu đồng; Năm 2023 chuyển qua: 5.150 triệu

đồng; dở dang: 359 triệu đồng. Gồm 13 hạng mục đầu tư XD CB, trong đó: 06 hạng mục mua sắm, 02 hạng mục sửa chữa, 05 hạng mục XD CB).

- Trong năm 2024, giá trị khối lượng thực hiện là 1.639 triệu đồng, trong đó: Giá trị hoàn thành/quyết toán 1.639 (đã thanh toán), giá trị dở dang 0 đồng, nguồn vốn đầu tư XD CB chủ yếu là vốn tự có (không có vốn vay ngân hàng). Các hạng mục thực hiện được là 04 hạng mục đầu tư (03 hạng mục mua sắm, 01 hạng mục XD CB).

- Đánh giá: Công ty đã thực hiện đúng theo quy định về trình tự, thủ tục, tính tuân thủ trong đầu tư mua sắm tài sản.

b) Về tài sản cố định:

- Tài sản cố định tăng năm 2024 là 2.418 triệu đồng, chủ yếu là đầu tư mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng cơ bản.

- Tài sản cố định giảm, thanh lý trong năm 2024: 560 triệu đồng. Việc thanh lý tài sản được HĐQT thông qua nghị quyết 06/NQ-SAF/HĐQT ngày 06/05/2024 "Thanh lý 02 xe tải loại nhỏ 1,25 tấn" và công ty đã thực hiện ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá, đấu giá công khai theo đúng quy định.

- Khấu hao tài sản trong năm 2024 là 4.554 triệu đồng, các tài sản đầu tư được Công ty khấu hao nhanh nhằm thu hồi vốn nhanh để đổi mới công nghệ nhằm tăng hiệu quả kinh doanh (giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình: 4.347 triệu đồng; nguyên giá TSCĐ HH: 153.399 triệu đồng).

Việc tổ chức triển khai đầu tư được thực hiện có hiệu quả và tiết kiệm chi phí, tài sản sau khi đầu tư mới kịp thời đưa vào sản xuất đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn cho các kho hàng hóa của Công ty. Việc đầu tư, thi công lắp đặt hệ thống chữa cháy đạt tiêu chuẩn, giúp tránh rủi ro tổn thất trong quá trình sản xuất kinh doanh cũng như tạo môi trường lao động an toàn. Ngoài ra công tác sửa chữa bảo dưỡng, duy tu thường xuyên là một trong những thế mạnh, góp phần mang lại cho công ty những thành công, ổn định sản xuất và hiệu quả trong thời gian qua.

c) Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động

Trong năm 2024, Công ty không có phát sinh vay vốn ngân hàng.

d) Tình hình giao dịch giữa công ty và các bên liên quan

Trong năm 2024, Công ty thực hiện giao dịch hợp đồng mua nguyên phụ liệu sản xuất và bán sản phẩm cho các công ty liên quan cổ đông lớn (VinafoodII) với tổng giá trị 13.200 triệu đồng (Trong đó, chủ yếu mua nguyên liệu sản xuất của Công ty Lương thực Bến Tre: 12.593 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 4,9% trên tổng giá trị tài sản tại thời điểm 31/12/2024), ngoài ra không phát sinh giao dịch đối với người hoặc bên liên quan khác. Công ty thực hiện tuân thủ đúng quy định của Điều lệ công ty, Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định khác có liên quan.

e) Tình hình quản lý nợ

- Tổng số nợ phải thu đến ngày 31/12/2024 là 43.041 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 16,6% trên tổng tài sản và 5,9% trên doanh thu bán hàng, tăng 33,7% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng 41.147 triệu đồng, chủ yếu các hệ thống siêu thị cao cấp phát sinh giao dịch cuối tháng chưa đến hạn

thanh toán theo hợp đồng, công ty không thay đổi chính sách bán hàng hay thu hồi công nợ cho đến thời điểm hiện tại. Số liệu đã được đơn vị kiểm toán AASC đánh giá ghi nhận trong báo cáo kiểm toán

- Tổng số nợ phải trả đến ngày 31/12/2023 là 80.214 triệu đồng, giảm tương đương 1% so cùng kỳ năm 2023.

Xét trên các chỉ tiêu cho thấy tình hình tài chính Công ty rất lành mạnh, Công ty đã mở sổ theo dõi chi tiết theo đối tượng (trong nước, xuất khẩu), thực hiện đối chiếu với khách hàng từng tháng, quý tương đối đầy đủ, không để phát sinh nợ khó đòi, không đòi được. Không phát sinh nợ phải trả quá hạn. Các số liệu này đã được đơn vị kiểm toán AASC kiểm tra và đánh giá đúng quy định.

f) Về tổ chức kiểm kê và quản lý tài sản:

- Công tác kiểm kê thời điểm cuối năm 2024 được Ban Kiểm soát, phối hợp cùng với đơn vị kiểm toán AASC tham gia chứng kiến công tác kiểm kê tài sản, vật tư, nguyên vật liệu, sản phẩm và tiền quỹ tại các kho, cơ sở kinh doanh đơn vị trực thuộc... Đánh giá công tác tổ chức kiểm kê xử lý tài sản sau kiểm kê để thực hiện kiểm tra đánh giá tài sản của công ty được thực hiện đúng quy định, đảm bảo khách quan.

5. Về thực hiện các kế hoạch khác theo nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ trong năm 2024:

- Theo nghị quyết 01/NQ-SAF/HĐQT ngày 09/01/2024 HĐQT thống nhất thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền tương ứng tỷ lệ chia cổ tức 30%/vốn điều lệ, đã thanh toán ngày 29 tháng 01 năm 2024. Nghị quyết 01/NQ-SAF/ĐHĐCĐ ngày 10/04/2024 Đại hội cổ đông thường niên thông qua phương án phân phối lợi nhuận chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2023: 30%/vốn điều lệ bằng tỷ lệ tạm ứng chi trả cổ tức.

- Thông qua HĐQT lựa chọn và ký hợp đồng với công ty kiểm toán độc lập (CN Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC) thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

- Thông qua phương án tạm trích lợi nhuận năm 2024: 700 triệu đồng làm công tác từ thiện. Công ty đã chi hỗ trợ xây nhà tình nghĩa, hỗ trợ chăm lo cho gia đình chính sách, gia đình có công cách mạng, gia đình thương binh liệt sỹ, hộ nghèo... thông qua các tổ chức chính trị - xã hội số tiền 700 triệu đồng.

- Thực hiện một số nội dung khác theo nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ.

III. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ CỔ ĐÔNG

1. Trong năm 2024, giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã luôn phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của Quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật. HĐQT và Tổng Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Ban kiểm soát cũng không nhận được đơn thư yêu cầu hoặc khiếu nại nào của cổ đông trong năm 2024. Ban kiểm soát cũng thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty nhằm đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

3. Ban kiểm soát luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực từ HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban, Chi nhánh để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát như:

• Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện bố trí nhân sự và đầu mối cung cấp đầy đủ thông tin trong quá trình BKS thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tại các Phòng ban và các quyết định của HĐQT, Ban điều hành.

• Định kỳ, Ban Kiểm soát đều có những báo cáo và kiến nghị bằng văn bản gửi tới HĐQT và BTGD. Những kiến nghị của BKS đều được ghi nhận và triển khai thực hiện.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH NĂM 2025

1. Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

3. Ban Kiểm soát sẽ tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty: sản xuất, chế biến, tiêu thụ... và đánh giá hoạt động của công ty cho nhiệm kỳ V (2023-2027).

4. Giám sát HĐQT, Ban điều hành công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thông kê và lập báo cáo tài chính.

6. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc soát xét và kiểm toán, thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ kết quả soát xét 6 tháng, kiểm toán năm cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; Xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập và các báo cáo về các hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trước khi HĐQT chấp thuận; Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của BDH Công ty (nếu có).

7. Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

V. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Đối với Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị định hướng việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và xây dựng kế hoạch đầu tư XDCB năm 2025 theo hướng khả thi nhất.

- Thực hiện rà soát kế hoạch dài hạn khác để điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, giữ vững và phát triển thị trường trong và ngoài nước bằng việc

tận dụng các chính sách ưu đãi của Nhà nước, các kế hoạch kinh doanh của Công ty và đặc biệt là trong công tác đầu tư xây dựng uy tín, hình ảnh thương hiệu Safoco.

2. Đối với Ban Tổng giám đốc

- Tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của các phòng ban trong Công ty; Hoàn chỉnh cơ chế, xây dựng đưa hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định, giảm thiểu sai sót, nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong sản xuất kinh doanh; Khuyến khích nâng cao hiệu quả hoạt động và thiết lập được quy trình quản lý trong Công ty.

- Tiếp tục triển khai các kế hoạch đầu tư XD CB đảm bảo đúng quy định, chặt chẽ tiết kiệm chi phí đầu tư và đưa vào sử dụng có hiệu quả. Cần có chính sách khen thưởng đối với công tác đầu tư, sửa chữa do Công ty tự thực hiện đối với các hạng mục đầu tư đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại, đầu tư các hạng mục cần thiết, đẩy mạnh công tác sáng kiến, nghiên cứu thêm sản phẩm mới, cải tiến hợp lý hóa sản xuất nhằm giảm chi phí, tăng năng suất lao động, đáp ứng nhu cầu sản xuất với yêu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm của khách hàng, nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

- Bên cạnh đó, Ban kiểm soát sẽ tiếp tục theo dõi việc hoàn thiện mô hình quản lý rủi ro cũng như việc xây dựng kế hoạch chiến lược dài hạn của Safoco cũng sẽ dần hoàn thiện các quy trình hoạt động của mình để phù hợp với thực tiễn cũng như các tiêu chuẩn quản trị quốc tế và theo thông lệ quản trị tốt nhất.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco năm 2024, xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

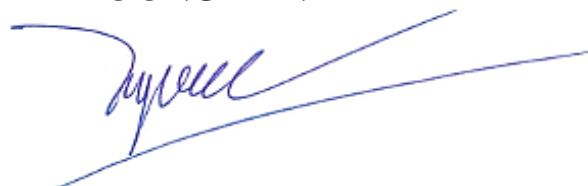
Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ của các Quý vị Cổ đông đã tạo điều kiện cho BKS thực hiện tốt nhiệm vụ của mình và xin chúc SAFOCO đạt được nhiều tầm cao mới.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, BKS.
- Cổ đông Safoco.
- Lưu: BKS, VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Trương Nguyễn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 35
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco được chuyển đổi từ Xí nghiệp Lương thực – Thực phẩm Safoco theo Quyết định số 4451/QĐ/BNN-TCCB ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc “Chuyển doanh nghiệp nhà nước Xí nghiệp Lương thực – Thực phẩm Safoco thành công ty cổ phần”. Tên giao dịch quốc tế Safoco Foodstuff Joint Stock Company, viết tắt là SAFOCO.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303752249 (được đổi từ số 4103003305) đăng ký lần đầu ngày 14/04/2005 và thay đổi lần thứ mười sáu ngày 27/03/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: 1079 Phạm Văn Đồng, khu phố 1, phường Linh Tây, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng quản trị Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là:

Ông Ngô Sĩ Tuấn Phương	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 10/04/2024)
Ông Nguyễn Văn Hiền	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 10/04/2024)
Bà Phạm Thị Thu Hồng	Thành viên	
Ông Nguyễn Công Minh Khoa	Thành viên	
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Tâm	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 10/04/2024)
Ông Nguyễn Tri Nghĩa	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 10/04/2024)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Thu Hồng	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hoàng Thao	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tri Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đỗ Ngọc Thắm	Phụ trách kế toán	(Bổ nhiệm ngày 20/07/2024)
Bà Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng	(Miễn nhiệm ngày 20/07/2024)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Trương Nguyễn	Trưởng ban
Ông Nguyễn Vương Quốc	Thành viên
Bà Phạm Liên Hương	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là bà Phạm Thị Thu Hồng - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thu Hồng

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco được lập ngày 22 tháng 01 năm 2025, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2025

Nguyễn Thái

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1623-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		234.801.148.291	231.673.230.206
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	64.762.103.989	55.316.401.129
111	1. Tiền		36.762.103.989	20.816.401.129
112	2. Các khoản tương đương tiền		28.000.000.000	34.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	55.002.150.000	46.502.150.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		2.150.000	2.150.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		55.000.000.000	46.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		43.041.400.462	32.200.422.121
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	41.147.354.446	29.317.387.919
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	103.292.592	1.088.488.962
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	1.790.753.424	1.794.545.240
140	IV. Hàng tồn kho	08	63.737.825.695	90.108.730.561
141	1. Hàng tồn kho		63.737.825.695	90.108.730.561
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.257.668.145	7.545.526.395
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	161.587.572	189.868.242
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		8.096.080.573	7.355.658.153
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		24.293.996.947	26.282.708.772
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		48.100.000	48.100.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	48.100.000	48.100.000
220	II. Tài sản cố định		24.085.896.947	26.221.274.772
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	4.346.860.947	6.482.238.772
222	- Nguyên giá		153.399.036.701	151.540.470.780
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(149.052.175.754)	(145.058.232.008)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	19.739.036.000	19.739.036.000
228	- Nguyên giá		19.889.036.000	19.889.036.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(150.000.000)	(150.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		160.000.000	13.334.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	160.000.000	13.334.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		259.095.145.238	257.955.938.978

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		80.213.663.016	81.006.108.637
310	I. Nợ ngắn hạn		80.213.663.016	81.006.108.637
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	11.288.026.015	3.840.054.487
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	132.459.047	4.150.389.360
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4.884.330.593	4.864.283.471
314	4. Phải trả người lao động		43.368.348.692	47.140.135.092
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	6.080.904.038	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	446.707.824	6.531.265.371
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		14.012.886.807	14.479.980.856
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		178.881.482.222	176.949.830.341
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	178.881.482.222	176.949.830.341
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		120.465.900.000	120.465.900.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		120.465.900.000	120.465.900.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		10.354.556.281	5.233.641.814
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		48.061.025.941	51.250.288.527
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		461.147.518	41.143.853
421b	LNST chưa phân phối năm nay		47.599.878.423	51.209.144.674
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		259.095.145.238	257.955.938.978

Huỳnh Trung Ý
Người lập

Đỗ Ngọc Thắm
Phụ trách kế toán

Phạm Thị Thu Hồng
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2025



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	729.564.394.525	798.230.304.665
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	5.786.230.239	5.426.694.129
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		723.778.164.286	792.803.610.536
11	4. Giá vốn hàng bán	21	585.892.347.253	648.656.716.511
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		137.885.817.033	144.146.894.025
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.750.486.659	8.711.299.758
22	7. Chi phí tài chính	23	792.526.443	481.836.928
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	24	64.396.498.548	67.344.530.716
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20.005.646.437	21.723.204.685
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		59.441.632.264	63.308.621.454
31	11. Thu nhập khác	26	1.581.160.026	2.406.540.349
32	12. Chi phí khác	27	162.684.217	726.917.427
40	13. Lợi nhuận khác		1.418.475.809	1.679.622.922
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		60.860.108.073	64.988.244.376
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	13.260.229.650	13.779.099.702
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		47.599.878.423	51.209.144.674
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	3.073	3.518

Huỳnh Trung Ý
Người lập

Đỗ Ngọc Thắm
Phụ trách kế toán

Phạm Thị Thu Hồng
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2025



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		711.827.955.608	823.426.292.342
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(489.542.731.299)	(629.477.678.910)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(128.582.401.226)	(138.076.364.728)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(13.725.187.784)	(13.798.379.414)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.143.774.151	4.198.678.010
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(34.075.725.953)	(35.083.999.527)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>52.045.683.497</i>	<i>11.188.547.773</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.418.136.103)	(1.431.920.364)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		154.878.957	789.263.300
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(114.500.000.000)	(117.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		106.000.000.000	134.500.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.300.580.316	6.909.271.921
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(6.462.676.830)</i>	<i>23.266.614.857</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(36.139.271.250)	(40.971.614.800)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(36.139.271.250)</i>	<i>(40.971.614.800)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		9.443.735.417	(6.516.452.170)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		55.316.401.129	61.843.491.404
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.967.443	(10.638.105)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	64.762.103.989	55.316.401.129

Huỳnh Trung Ý
Người lập

Đỗ Ngọc Thắm
Phụ trách kế toán

Phạm Thị Thu Hồng
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2025



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco được chuyển đổi từ Xí nghiệp Lương thực – Thực phẩm Safoco theo Quyết định số 4451/QĐ/BNN-TCCB ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc “Chuyển doanh nghiệp nhà nước Xí nghiệp Lương thực – Thực phẩm Safoco thành công ty cổ phần”. Tên giao dịch quốc tế Safoco Foodstuff Joint Stock Company, viết tắt là SAFOCO.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303752249 (được đổi từ số 4103003305) đăng ký lần đầu ngày 14/04/2005 và thay đổi lần thứ mười sáu ngày 27/03/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: 1079 Phạm Văn Đồng, khu phố 1, phường Linh Tây, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 120.465.900.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 120.465.900.000 VND; tương đương 12.046.590 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 579 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 634 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất thực phẩm, kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất mì, mì sợi, bún, nui, bánh tráng, các loại từ tinh bột, bột mì;
- Mua bán các mặt hàng vải sợi, quần áo; mỹ phẩm, hàng trang sức, bóp ví, giày da; văn phòng phẩm; hàng sành sứ, thủy tinh; nhựa gia dụng;
- Chế biến các mặt hàng lương thực – thực phẩm (không chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở);
- Mua bán các mặt hàng lương thực – thực phẩm; công nghệ phẩm; nông-thủy-hải sản; các loại nước uống nhanh; hàng tươi sống; rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Mua bán hàng kim khí, điện máy, hàng điện tử, điện lạnh, điện gia dụng;
- Mua bán vật tư xây dựng; Cho thuê nhà xưởng;
- Kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà hàng Hoa Viên Nam Bộ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh ăn uống
Cửa hàng kinh doanh Tổng hợp Lương thực chế biến	Tp. Hồ Chí Minh	Bán hàng công nghệ phẩm
Nhà máy sản xuất Mì Nui - Cửa hàng Tổng hợp chế biến lương thực thực phẩm	Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất mì nui
Kho dự trữ và phân phối hàng hóa	Tp. Hồ Chí Minh	Tổng kho dự trữ
Cửa hàng kinh doanh Tổng hợp Lương thực chế biến	Tp. Hồ Chí Minh	Cho thuê mặt bằng
Cửa hàng kinh doanh Vật liệu xây dựng	Tp. Hồ Chí Minh	Bán vật liệu xây dựng
Cửa hàng kinh doanh tổng hợp	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh tổng hợp lương thực chế biến
Chi nhánh Công ty CP Lương thực thực phẩm Safoco	Tp. Hà Nội	Bán sản phẩm của Công ty

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp;

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại các thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08	năm
- Quyền sử dụng đất	Không xác định thời hạn	
- Phần mềm quản lý	02	năm

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 02 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 02 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí chiết khấu, chi phí hỗ trợ đại lý ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.761.757.000	2.614.304.600
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.000.346.989	18.202.096.529
Các khoản tương đương tiền (*)	28.000.000.000	34.500.000.000
	64.762.103.989	55.316.401.129

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 28.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,5%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	55.000.000.000	-	46.500.000.000	-
	55.000.000.000	-	46.500.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và dưới 12 tháng có giá trị 55.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 5,5%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là 240 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương (Saigonbank) với giá trị ghi sổ là 2.150.000 VND.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tonkin Products Limited	-	-	2.505.283.200	-
Công ty TNHH Dịch vụ EB	3.379.444.214	-	2.517.043.879	-
Công ty CP DV TM Tổng hợp WINCOMMERCE	2.338.293.761	-	2.634.874.814	-
Công ty CP Thương mại Bách hóa Xanh	2.271.495.252	-	9.183.758.920	-
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Tp. Hồ Chí Minh	3.126.126.206	-	4.971.364.433	-
Công ty TNHH MM Mega Market	3.313.675.134	-	2.825.096.881	-
Công ty TNHH TMDV Dương Gia Phát	3.427.933.230	-	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Đại Lộc Hiệp	4.608.453.582	-	-	-
Các khách hàng khác	18.681.933.067	-	4.679.965.792	-
	41.147.354.446	-	29.317.387.919	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH PCCC Tân Hưng Phát	-	-	540.828.480	-
Công ty TNHH TM DV XD và Công nghệ Sân Sơn Phát	82.575.200	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	20.717.392	-	547.660.482	-
	103.292.592	-	1.088.488.962	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi ngân hàng	1.090.753.424	-	1.084.168.492	-
Phải thu về quỹ chi ủng hộ, làm từ thiện	700.000.000	-	700.000.000	-
Phải thu khác	-	-	10.376.748	-
	1.790.753.424	-	1.794.545.240	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	48.100.000	-	48.100.000	-
	48.100.000	-	48.100.000	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.694.115.286	-	10.119.303.214	-
Công cụ, dụng cụ	527.830.681	-	533.434.509	-
Thành phẩm	50.589.670.746	-	79.165.824.233	-
Hàng hoá	926.208.982	-	290.168.605	-
	63.737.825.695	-	90.108.730.561	-

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	81.533.901.533	59.782.777.476	9.473.035.614	750.756.157	151.540.470.780
- Mua trong năm	-	1.391.968.721	-	238.177.918	1.630.146.639
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	787.989.464	-	-	-	787.989.464
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(559.570.182)	-	(559.570.182)
Số dư cuối năm	82.321.890.997	61.174.746.197	8.913.465.432	988.934.075	153.399.036.701
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	80.831.095.178	55.895.185.893	7.581.194.780	750.756.157	145.058.232.008
- Khấu hao trong năm	806.558.301	2.741.695.724	948.361.844	56.898.059	4.553.513.928
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(559.570.182)	-	(559.570.182)
Số dư cuối năm	81.637.653.479	58.636.881.617	7.969.986.442	807.654.216	149.052.175.754
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	702.806.355	3.887.591.583	1.891.840.834	-	6.482.238.772
Tại ngày cuối năm	684.237.518	2.537.864.580	943.478.990	181.279.859	4.346.860.947

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 137.607.923.845 VND.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	19.739.036.000	150.000.000	19.889.036.000
Số dư cuối năm	19.739.036.000	150.000.000	19.889.036.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	150.000.000	150.000.000
Số dư cuối năm	-	150.000.000	150.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	19.739.036.000	-	19.739.036.000
Tại ngày cuối năm	19.739.036.000	-	19.739.036.000

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 150.000.000 VND;

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại Khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm tài sản	155.070.817	177.416.922
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.516.755	12.451.320
	161.587.572	189.868.242
b) Dài hạn		
Thiết bị giám sát phương tiện vận tải	-	13.334.000
Chi phí khai thác nước ngầm	160.000.000	-
	160.000.000	13.334.000

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Interflour Việt Nam	2.379.963.600	2.379.963.600	728.883.900	728.883.900
Công ty TNHH Uni-President Việt Nam	3.051.509.760	3.051.509.760	978.048.000	978.048.000
Công ty TNHH SX - TM Bao bì Giấy Nam Long	1.742.517.360	1.742.517.360	-	-
Công ty TNHH Hoá chất Đại Cát Tường	579.312.000	579.312.000	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghệ Sumimoto	921.307.000	921.307.000	692.700.000	692.700.000
Phải trả người bán khác	2.613.416.295	2.613.416.295	1.440.422.587	1.440.422.587
	11.288.026.015	11.288.026.015	3.840.054.487	3.840.054.487

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tonkin	43.987.200	-
Hua San Wan FoodMart, INC.	-	787.127.256
AH USA Group	-	2.697.937.905
Người mua trả tiền trước khác	88.471.847	665.324.199
	132.459.047	4.150.389.360

Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco

1079 Phạm Văn Đồng, khu phố 1, phường Linh Tây, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	652.874.766	2.881.970.461	2.817.719.888	-	717.125.339
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.549.219.908	13.260.229.650	13.725.187.784	-	3.084.261.774
Thuế thu nhập cá nhân	-	658.976.797	3.522.041.924	3.100.987.241	-	1.080.031.480
Thuế tài nguyên	-	2.912.000	34.944.000	34.944.000	-	2.912.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	9.431.546.359	9.431.546.359	-	-
Các loại thuế khác	-	-	57.434.119	57.434.119	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	300.000	37.960.000	38.260.000	-	-
	-	4.864.283.471	29.226.126.513	29.206.079.391	-	4.884.330.593

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trích trước chi phí chiết khấu hỗ trợ cho đại lý	6.004.464.038	-
Trích trước chi phí sơn nền nhà xưởng	76.440.000	-
	6.080.904.038	-

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a1) Chi tiết theo nội dung		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	136.000.000	184.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.670.610	3.171.860
- Phải trả về hỗ trợ bán hàng và chiết khấu	-	6.098.272.667
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	307.037.214	245.820.844
	446.707.824	6.531.265.371
a2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty TNHH MM Mega Market	-	801.064.231
- Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Tp. Hồ Chí Minh	-	1.141.466.219
- Công ty TNHH Dịch Vụ EB	-	671.563.682
- Công ty CP Dịch vụ thương mại Tổng hợp WINCOMMERCE	-	596.791.249
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	446.707.824	3.320.379.990
	446.707.824	6.531.265.371

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2023	120.465.900.000	63.359.932	55.583.397.700	176.112.657.632
Lãi trong năm trước	-	-	51.209.144.674	51.209.144.674
Phân phối lợi nhuận	-	5.170.281.882	(5.170.281.882)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành	-	-	(8.913.565.965)	(8.913.565.965)
Trích hoạt động từ thiện	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	(40.958.406.000)	(40.958.406.000)
Số dư tại 31/12/2023	120.465.900.000	5.233.641.814	51.250.288.527	176.949.830.341

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2024	120.465.900.000	5.233.641.814	51.250.288.527	176.949.830.341
Lãi trong năm nay	-	-	47.599.878.423	47.599.878.423
Phân phối lợi nhuận	-	5.120.914.467	(5.120.914.467)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành (*)	-	-	(8.828.456.542)	(8.828.456.542)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023 (*)	-	-	(36.139.770.000)	(36.139.770.000)
Trích hoạt động từ thiện (*)	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
Số dư tại 31/12/2024	120.465.900.000	10.354.556.281	48.061.025.941	178.881.482.222

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-SAF/ĐHCD ngày 10 tháng 04 năm 2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân phối	100	51.250.288.527
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2023</i>		<i>51.209.144.674</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại của các năm trước</i>		<i>41.143.853</i>
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00	5.120.914.467
Trích tham gia hoạt động từ thiện	1,37	700.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban điều hành	17,24	8.828.456.542
Chi trả cổ tức (bằng 30% vốn điều lệ)	70,52	36.139.770.000
Lợi nhuận chưa phân phối	0,87	461.147.518

Theo Nghị quyết số 10/NQ-SAF/HĐQT ngày 17/12/2024 của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền theo tỷ lệ 30% (1 cổ phiếu nhận được 3.000 VND); ngày đăng ký cuối cùng là 07/01/2025 và ngày thanh toán là 16/01/2025.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	51,30	61.799.430.000	51,30	61.799.430.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	0,02	30.000.000	16,64	20.050.000.000
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư Giá trị Việt	11,77	14.178.480.000	-	-
Bà Phạm Thị Thu Hồng	14,09	16.972.620.000	14,09	16.972.620.000
Các cổ đông khác	22,82	27.485.370.000	17,97	21.643.850.000
	100	120.465.900.000	100	120.465.900.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	120.465.900.000	120.465.900.000
- Vốn góp cuối năm	<u>120.465.900.000</u>	<u>120.465.900.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	3.171.860	16.380.660
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	36.139.770.000	40.958.406.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	36.139.770.000	40.958.406.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(36.139.271.250)	(40.971.614.800)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(36.139.271.250)	(40.971.614.800)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>3.670.610</u>	<u>3.171.860</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.046.590	12.046.590
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	12.046.590	12.046.590
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.046.590	12.046.590
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.354.556.281	5.233.641.814
	<u>10.354.556.281</u>	<u>5.233.641.814</u>

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước, cụ thể như sau:

STT	Vị trí các lô đất	Diện tích	Mục đích sử dụng đất
1.	Số 1079 đường Phạm Văn Đồng và số 1009 đường Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	21.937,5 m ²	Làm nhà xưởng sản xuất và kho
2.	482 đường Cách Mạng Tháng 8, phường 04, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	76 m ²	Làm cửa hàng kinh doanh
3.	Số 49/1 đường Hòa Bình, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	1.514,9 m ²	Làm nhà hàng tiệc cưới
4.	Số 1614 Võ Văn Kiệt, phường 7, quận 6, Tp. Hồ Chí Minh	8.982,4 m ²	Kho dự trữ hàng hóa
5.	Số 210 Bà Hạt , phường 9, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	57,9 m ²	Làm cửa hàng kinh doanh
6.	Số 198-200 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh (*)	108,2 m ²	Làm cửa hàng kinh doanh

(*) Thời hạn của hợp đồng thuê là đến ngày 01/01/2046.

Vào ngày 31/12/2024, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	11.282.871.400	7.002.172.082
- Trên 1 năm đến 5 năm	685.555.200	4.245.118.269
- Trên 5 năm	2.742.220.800	-

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Đồng đô la Mỹ (USD)	727,10	560.229,84

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	710.841.917.190	688.659.049.835
Doanh thu bán hàng hóa	18.673.165.335	109.516.113.830
Doanh thu cung cấp dịch vụ	49.312.000	55.141.000
	729.564.394.525	798.230.304.665
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 34)	145.074.260	73.145.480

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	5.023.973.926	4.820.508.303
Hàng bán bị trả lại	762.256.313	606.185.826
	5.786.230.239	5.426.694.129

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	572.813.778.869	545.797.734.966
Giá vốn của hàng hóa đã bán	13.029.256.384	102.803.840.545
Giá vốn dịch vụ	49.312.000	55.141.000
	585.892.347.253	648.656.716.511

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan
Tổng giá trị mua vào:
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 34)

	13.055.546.944	17.432.294.444
--	-----------------------	-----------------------

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.307.165.248	6.663.782.880
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.426.536.466	2.047.516.878
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	16.784.945	-
	6.750.486.659	8.711.299.758

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	792.526.443	467.725.723
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	14.111.205
	792.526.443	481.836.928

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.616.863.592	1.605.702.637
Chi phí nhân công	14.079.807.136	18.566.194.379
Chi phí khấu hao tài sản cố định	982.258.453	793.699.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.019.708.159	26.672.653.888
Chi phí khác bằng tiền	19.697.861.208	19.706.280.116
	64.396.498.548	67.344.530.716

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	361.784.472	378.648.777
Chi phí nhân công	16.092.302.208	17.260.560.979
Chi phí khấu hao tài sản cố định	269.847.406	414.196.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.144.393.904	1.070.758.377
Chi phí khác bằng tiền	2.137.318.447	2.599.040.304
	20.005.646.437	21.723.204.685

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	154.878.957	789.263.300
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	969.090.913	1.265.454.552
Thu nhập từ bán bánh trắng và nui phở; thanh lý CCDC	382.700.545	280.980.545
Nguyên vật liệu thừa khi kiểm kê	74.489.611	70.136.280
Thu nhập khác	-	705.672
	1.581.160.026	2.406.540.349

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Xử lý nguyên vật liệu thiếu sau kiểm kê và xuất hủy bao bì	63.919.146	666.755.905
Các khoản bị phạt	98.765.071	60.161.522
	162.684.217	726.917.427

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	60.860.108.073	64.988.244.376
Các khoản điều chỉnh tăng	3.381.354.249	2.556.972.975
- <i>Thù lao hội đồng quản trị không tham gia điều hành</i>	495.000.000	504.000.000
- <i>Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm</i>	-	14.111.205
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	2.886.354.249	2.038.861.770
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	64.241.462.322	67.545.217.351
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	411.937.186	270.056.232
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	13.260.229.650	13.779.099.702
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	3.549.219.908	3.568.499.620
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(13.725.187.784)	(13.798.379.414)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	3.084.261.774	3.549.219.908

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	47.599.878.423	51.209.144.674
Các khoản điều chỉnh	(10.586.212.961)	(8.828.456.542)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành</i>	(10.586.212.961)	(8.828.456.542)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	37.013.665.462	42.380.688.132
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.046.590	12.046.590
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.073	3.518

Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành bằng 22,24% trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024. Tỷ lệ trích này bằng tỷ lệ phân bổ đã được các cổ đông thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-SAF/ĐHCĐ ngày 10 tháng 04 năm 2024 về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	422.261.216.323	440.232.670.595
Chi phí nhân công	134.872.395.813	148.420.831.830
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.553.513.928	7.211.409.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.669.707.033	42.725.517.340
Chi phí khác bằng tiền	24.282.937.270	31.289.368.686
	628.639.770.367	669.879.797.503

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Đầu tư ngắn hạn	2.150.000	-	-	2.150.000
	2.150.000	-	-	2.150.000
Tại ngày 01/01/2024				
Đầu tư ngắn hạn	2.150.000	-	-	2.150.000
	2.150.000	-	-	2.150.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản trương đương tiền	63.000.346.989	-	-	63.000.346.989
Phải thu khách hàng, phải thu khác	42.938.107.870	48.100.000	-	42.986.207.870
Các khoản cho vay	55.000.000.000	-	-	55.000.000.000
	160.938.454.859	48.100.000	-	160.986.554.859
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản trương đương tiền	52.702.096.529	-	-	52.702.096.529
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.111.933.159	48.100.000	-	31.160.033.159
Các khoản cho vay	46.500.000.000	-	-	46.500.000.000
	130.314.029.688	48.100.000	-	130.362.129.688

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Phải trả người bán, phải trả khác	11.734.733.839	-	-	11.734.733.839
Chi phí phải trả	6.080.904.038	-	-	6.080.904.038
	<u>17.815.637.877</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>17.815.637.877</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Phải trả người bán, phải trả khác	10.371.319.858	-	-	10.371.319.858
	<u>10.371.319.858</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>10.371.319.858</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Sản xuất	Thương mại	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	705.055.686.951	18.673.165.335	49.312.000	723.778.164.286	-	723.778.164.286
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	132.241.908.082	5.643.908.951	-	137.885.817.033	-	137.885.817.033
Tổng chi phí mua TSCĐ	2.418.136.103	-	-	2.418.136.103	-	2.418.136.103
Tài sản bộ phận	108.409.124.698	20.713.344.982	-	129.122.469.680	-	129.122.469.680
Tài sản không phân bổ	-	-	-	129.972.675.558	-	129.972.675.558
Tổng tài sản	108.409.124.698	20.713.344.982	-	259.095.145.238	-	259.095.145.238
Nợ phải trả của các bộ phận	11.027.183.612	704.009.274	-	11.731.192.886	-	11.731.192.886
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	68.482.470.130	-	68.482.470.130
Tổng nợ phải trả	11.027.183.612	704.009.274	-	80.213.663.016	-	80.213.663.016

Theo khu vực địa lý

	Xuất khẩu	Nội địa	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	254.226.540.266	469.551.624.020	723.778.164.286	-	723.778.164.286
Tài sản bộ phận	6.556.399.676	252.538.745.562	259.095.145.238	-	259.095.145.238
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	2.418.136.103	2.418.136.103	-	2.418.136.103

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lương Thực Tp. Hồ Chí Minh	Bên liên quan của Công ty mẹ
Công ty Lương thực Bến Tre	Bên liên quan của Công ty mẹ
Công ty Lương thực Trà Vinh	Bên liên quan của Công ty mẹ
Công ty Lương thực Tiền Giang	Bên liên quan của Công ty mẹ
Công ty CP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Bên liên quan của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket	Bên liên quan của Công ty mẹ

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:


	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	145.074.260	73.145.480
Công ty Cổ phần Lương Thực Tp. Hồ Chí Minh	56.023.860	73.145.480
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP	66.010.400	
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket	23.040.000	
Mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ	13.055.546.944	17.432.294.444
Công ty Lương thực Bến Tre	12.593.312.500	12.598.000.000
Công ty Lương thực Trà Vinh	-	4.798.600.000
Công ty CP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	40.890.000	32.500.000
Công ty Lương thực Tiền Giang	3.194.444	3.194.444
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket	418.150.000	-
Chia cổ tức	18.539.829.000	21.011.806.200
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP	18.539.829.000	21.011.806.200
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		
Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lương và thù lao của người quản lý chủ chốt	6.914.727.681	6.403.210.864
Ông Ngô Sĩ Tuấn Phương Chủ tịch HĐQT từ ngày 10/04/2024	641.251.360	-
Ông Nguyễn Văn Hiến Chủ tịch HĐQT đến ngày 10/04/2024	30.000.000	120.000.000
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân Thành viên HĐQT	108.000.000	108.000.000
Ông Nguyễn Quang Tâm Thành viên HĐQT từ 10/04/2024	81.000.000	-
Bà Phạm Thị Thu Hồng Tổng giám đốc/TV HĐQT	2.612.498.461	2.365.494.394
Ông Nguyễn Công Minh Khoa Phó Tổng giám đốc/ TV HĐQT	825.582.660	897.142.450
Ông Nguyễn Tri Nghĩa Phó Tổng giám đốc/ TV HĐQT	664.293.470	814.841.550
Ông Trần Hoàng Thao Phó Tổng giám đốc	512.057.680	581.143.000
Ông Nguyễn Trương Nguyễn Trưởng ban BKS	600.239.500	664.713.030
Bà Phạm Liên Hương Thành viên BKS	90.000.000	67.500.000
Ông Nguyễn Vương Quốc Thành viên BKS	90.000.000	67.500.000
Ông Trần Hoàng Ngân Thành viên BKS đến ngày 07/04/2023	-	22.500.000
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền Thành viên BKS đến ngày 07/04/2023	-	22.500.000
Bà Đỗ Thị Thắm Phụ trách KT (bổ nhiệm 20/07/2024)	473.667.970	-
Bà Nguyễn Thị Nga Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 20/07/2024)	186.136.580	671.876.440

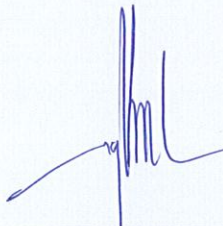
	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tiền thưởng và các phúc lợi khác	1.355.550.000	1.210.900.000
Thưởng cho Tổng giám đốc	445.640.000	385.574.000
Thưởng cho các thành viên chủ chốt khác	909.910.000	825.326.000


Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.


Huỳnh Trung Ý
Người lập


Đỗ Ngọc Thẩm
Phụ trách kế toán


Phạm Thị Thu Hồng
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO**

Địa chỉ: 1079 Phạm Văn Đồng, KP.1, P. Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại: 028 37245264 Fax: 028 37245263 Website: www.safocofood.com

Số: 01/T.Tr-SAF/HĐQT

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH**Về việc phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch
phân phối lợi nhuận năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-SAF/ĐHCD ngày 09/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco;
- Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-SAF/HĐQT ngày 16/01/2025 của Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2024

Stt	Diễn giải	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	60.860.108.073
	- Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN	3.381.354.249
2	Thu nhập chịu thuế TNDN	64.241.462.322
3	Thuế TNDN năm 2024 (20% TNCT)	13.260.229.650
	- Thuế TNDN hiện hành	13.260.229.650
4	Lợi nhuận sau khi trừ thuế TNDN	47.599.878.423
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại để phân phối	47.599.878.423
5.1	Lợi nhuận trích các quỹ, tham gia hoạt động từ thiện	11.286.212.962
	- Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi (20% LNST)	9.519.975.685
	- Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành (2,24% LNST)	1.066.237.277
	- Tham gia hoạt động từ thiện xã hội	700.000.000

Stt	Diễn giải	Số tiền
5.2	<i>Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện</i>	36.313.665.461
6	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức	36.774.812.979
	- Lợi nhuận sau thuế năm 2024 sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện	36.313.665.461
	- Lợi nhuận chia cổ tức của các năm trước còn lại	461.147.518
7	Dự kiến tỷ lệ trả cổ tức 30%/VĐL, trong đó:	36.139.770.000
	- Trả bằng tiền mặt (30%)	36.139.770.000
8	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2025	635.042.979

Ghi chú: Ngày 16/01/2025 Công ty đã thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền, tỷ lệ chi trả 30%/VĐL.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025

Stt	Diễn giải	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	61.000.000.000
	- Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN	3.000.000.000
2	Thu nhập chịu thuế TNDN	64.000.000.000
3	Thuế TNDN năm 2025 (20% TNCT)	12.800.000.000
4	Lợi nhuận sau khi trừ thuế TNDN	48.200.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại để phân phối	48.200.000.000
5.1	<i>Lợi nhuận trích các quỹ, tham gia hoạt động từ thiện</i>	11.419.680.000
	- Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi (20% LN sau thuế)	9.640.000.000
	- Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành (2,24% LNST)	1.079.680.000
	- Tham gia hoạt động từ thiện xã hội	700.000.000
5.2	<i>Lợi nhuận sau thuế sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện</i>	36.780.320.000
6	Lợi nhuận chia cổ tức	37.415.362.979
	- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 sau khi trích các quỹ và hoạt động từ thiện	36.780.320.000
	- Lợi nhuận chia cổ tức của các năm trước còn lại	635.042.979
7	Dự kiến tỷ lệ trả cổ tức 30%/VĐL	36.139.770.000

Stt	Diễn giải	Số tiền
	- Trả bằng tiền mặt (30%)	36.139.770.000
8	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2026	1.275.592.979

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Sĩ Tuấn Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Địa chỉ: 1079 Phạm Văn Đồng, KP.1, P. Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại: 028 37245264 Fax: 028 37245263 Website: www.safocofood.com.

Số: 02/T.Tr-SAF/HĐQT

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về quỹ tiền lương người quản lý, quỹ thù lao của Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát, Thư ký năm 2024 và kế hoạch năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco;
- Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-SAF/HĐQT ngày 16/01/2025 của Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Tiền lương người quản lý, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký năm 2024:

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, Công ty tạm trích quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý, quỹ thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký (theo Nghị quyết 01/NQ-SAF/ĐHCD ngày 10/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024), thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm 2024 và đã được kiểm toán, cụ thể:

- a) Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý: 6.506,052 triệu đồng;
- b) Quỹ thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký là 714 triệu đồng.

2. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông, thông qua quỹ tiền lương người quản lý, quỹ thù lao kế hoạch của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký năm 2025 như sau:

- a) Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý: 6.521,004 triệu đồng;
- b) Quỹ thù lao kế hoạch của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký là 684 triệu đồng.

Căn cứ vào quỹ tiền lương, quỹ thù lao kế hoạch năm 2025, Hội đồng quản trị xác định mức lương phù hợp cho người quản lý, thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký, nhưng không vượt quá tổng quỹ tiền lương, quỹ thù lao kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Sĩ Tuấn Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Địa chỉ: 1079 Phạm Văn Đồng, KP.1, P. Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại: 028 37245264 Fax: 028 37245263 Website: www.safocofood.vn

Số: 03/T.Tr-SAF/HĐQT

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2023 – 2027 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 07/4/2023;
- Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-SAF/HĐQT ngày 16/01/2025

Căn cứ báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 (theo tờ trình số 01/TTr-SAF/TGĐ ngày 14/01/2025), Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Sản lượng bán ra : 14.200 tấn sản phẩm;
- Tổng Doanh thu : 780 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 61 tỷ đồng.

Trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Sĩ Tuấn Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Địa chỉ: 1079 Phạm Văn Đồng, KP.1, P. Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại: 028 37245264 Fax: 028 37245263 Website: www.safocofood.com

Số: 01/T.Tr-SAF/BKS

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập và lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật kế toán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco.

Nhằm giúp cho việc công bố thông tin ra công chúng về tình hình tài chính của Công ty được chính xác và minh bạch, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông chọn đơn vị thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco năm 2025 với các nội dung sau:

1. Đề xuất tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Chọn đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và kinh doanh chứng khoán.
- Không xung đột quyền lợi khi kiểm toán báo cáo tài chính cho Safoco (việc kiểm toán BCTC phải độc lập với việc tư vấn lập BCTC).
- Có nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán do Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco yêu cầu.

2. Đề xuất các đơn vị kiểm toán độc lập:

Với các tiêu thức lựa chọn như trên, Ban kiểm soát xin đề xuất 04 (bốn) đơn vị kiểm toán để đưa vào danh sách lựa chọn việc cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC trong năm tài chính 2025 của Công ty, như sau:

- ✓ Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC;
- ✓ Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
- ✓ Công ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn A&C;
- ✓ Công ty TNHH Kiểm Toán CPA VIETNAM.

3. Ý kiến của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát kính trình Đại hội cổ đông thông qua:

- Danh sách 04 (bốn) Công ty kiểm toán độc lập nêu trên để làm căn cứ lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC của Công ty.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các Công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát và giao cho Tổng Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025 của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Ban kiểm soát
- Lưu: VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Trương Nguyễn



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Địa chỉ: 1079 Phạm Văn Đồng, KP.1, P. Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM

Điện thoại: 028 37245264 Fax: 028 37245263 Website: www.safocofood.vn

Số: 04/T.Tr-SAF/HĐQT

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc trích tiền tham gia công tác từ thiện xã hội

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco

- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-SAF/ĐHCD ngày 10/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco.

- Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-SAF/HĐQT ngày 16/01/2025 của Hội đồng quản trị Công ty.

Từ nhiều năm qua, trách nhiệm đối với cộng đồng của Safoco luôn được sự đồng hành của Cổ đông và toàn thể Người lao động cùng đóng góp để thực hiện các hoạt động xã hội từ thiện ý nghĩa. Những đóng góp thiết thực này không chỉ mang đến sự hỗ trợ vật chất quý báu mà còn là nguồn động viên tinh thần vô cùng lớn lao cho những gia đình chính sách, hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn và phát huy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm xã hội, giữ gìn truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, “lá lành đùm lá rách”, tấm lòng tương thân tương ái của dân tộc.

Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2024, trong năm Công ty đã thực hiện công tác từ thiện với số tiền là 700 triệu đồng, cho những nội dung như sau:

- Hỗ trợ 1.430 phần quà chăm lo cho gia đình chính sách, có công cách mạng, gia đình thương binh liệt sĩ, hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn của Phường Linh Tây, Tp. Thủ Đức, Phường 6, Phường 7, Phường 9 Q.10, Tp.HCM, với tổng số tiền 336 triệu đồng;

- Hỗ trợ 801 kg sản phẩm cho chương trình "Thắp sáng lòng nhân ái" của Hội bảo trợ người khuyết và trẻ mồ côi Tp.HCM, tổng số tiền 44 triệu đồng;

- Hỗ trợ xây dựng 01 căn nhà tình thương cho gia đình có hoàn cảnh khó khăn của Thị xã Tịnh Biên, An Giang; 01 căn nhà nghĩa tình đồng đội cho cựu chiến binh có hoàn cảnh khó khăn của xã Hòa Nghĩa, Chợ Lách, Bến Tre; 02 căn nhà Đại đoàn kết cho các hộ dân có hoàn cảnh khó khăn tại tỉnh Quảng Ngãi, với tổng số tiền 200 triệu đồng;

- Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới tại xã Tân Thạnh Tây, Củ Chi, Tp.HCM và xây dựng Nhà văn hóa Thôn Làng Nữ - Lào Cai, tổng số tiền 120 triệu đồng.

Năm 2025, Công ty tiếp tục thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng bằng các hoạt động xã hội từ thiện, đề nghị cổ đông đóng góp 700 triệu đồng trích từ phần lợi nhuận sau thuế năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Sĩ Tuấn Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Địa chỉ: 1079 Phạm Văn Đồng, khu phố 1, P. Linh Tây, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại: 028 37245264 Fax: 028 37245263 Website: www.safoco.com.vn

Số: 05/T.Tr-SAF/HĐQT

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Luật sửa đổi số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

Tại Khoản 6, Điều 42 Điều lệ Công ty:

“Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

.....

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có **giá trị nhỏ hơn 35%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch **có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35%** hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.”

(Đính kèm phụ lục sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty)

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện điều chỉnh Điều lệ Công ty theo quy định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Sĩ Tuấn Phương

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

(Đính kèm Tờ trình số 17/T.tr-SAF/HĐQT ngày 17/3/2025 của HĐQT Công ty CP LTTP Safoco)

Hiện tại	Đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Lý do
<p>Tại Khoản 6, Điều 42 Điều lệ Công ty:</p> <p>“Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>.....</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với giao dịch có <i>giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35%</i> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p>	<p>Tại Khoản 6, Điều 42 Điều lệ Công ty:</p> <p>“Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>.....</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 và quy định tại điểm g, Khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty về quyền của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>“ Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>.....</p> <p>g. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;”</p>

Hiện tại	Đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Lý do
<p>b. Đối với giao dịch <i>có giá trị lớn hơn 35%</i> hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	<p>b. Đối với giao dịch <i>có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35%</i> hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	